

NHU' THƯƠNG



LỰA ĐÀO SẮT SON

trường thi & tùy bút

**Tủ Sách T.Vấn & Bạ̣n Hữu
2017**

NHƯ THƯƠNG
LỰA ĐÀO SẮT SON
10 Thi Khúc và 4 Tù Bút

Trường thi "Lựa đào sắt son" là tiếng tơ lòng của người vọng phu tên Kim Anh - được người con gái Kim Hương viết lại bằng thơ và chia thành 10 thi khúc.

Chuyện kể về Kim Anh đã đợi chồng Phạm Cẩn khi chồng trôi theo mệnh nước ngả nghiêng và bị đày ra Bắc trong mỹ từ "Học tập cải tạo" của những kẻ mang danh cộng sản, nhưng thực chất mỹ từ ấy chỉ vồn vện là một chữ TÙ!

Người thiếu phụ ấy đã tay bồng tay bế 8 đứa con thơ khi chồng trong ngục tù 13 năm dài đắng đắng. Cái Cò đã lặn hụp trong phong ba bão táp của mệnh người như con đò mong manh xuôi theo mệnh đời, vận nước.

Như Thương

**LỰA ĐÀO SẮT SON
(Trường Thi & Tùy Bút)**

Ấn Bản Điện Tử
do
Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu
Thực hiện 2017

Hình Bìa: Thanh Châu
Trình Bày: T.Vấn

©T.Vấn & Bạn Hữu 2017
©Như Thương 2017

Như Thương

Trường Thi & Tùy Bút

LỰA ĐÀO SẮT SON

■Kính dâng hồn thiêng dân tộc trong buổi mệnh nước ngả nghiêng

■Kính tặng những Cái Cò chinh phụ lặn lội tìm chồng phương Bắc

■Kính dâng Mẹ - Kính tặng Cha



Người thiếu phụ "Lựa đào sắt son"

(Hình chụp vào năm 1988 trong giây phút hồi sinh khi người chồng về từ ngục tù CS)

PHẦN I

TRƯỜNG THI
LỰA ĐÀO SẮT SON

Lời dẫn truyện của Như Thương:

Trường thi "*Lựa đào sắt son*" là tiếng tơ lòng của người vọng phu tên **Kim Anh** - được người con gái **Kim Hương** viết lại bằng thơ và chia thành 10 thi khúc.

Chuyện kể về **Kim Anh** đã đợi chồng **Phạm Cẩn** khi chồng trôi theo mệnh nước ngả nghiêng và bị đày ra Bắc trong mỹ từ "Học tập cải tạo" của những kẻ mang danh cộng sản, nhưng thực chất mỹ từ ấy chỉ vồn vện là một chữ TÙ!

Người thiếu phụ ấy đã tay bồng tay bế 8 đứa con thơ khi chồng trong ngục tù 13 năm dài đặng đặng. Cái Cò đã lặn hụp trong phong ba bão táp của mệnh người như con đò mong manh xuôi theo mệnh đời, vận nước.

Người chinh phụ đã trầm luân trong bể khổ, không còn giọt lệ rơi nào trên má hồng nay đã nhăn nheo, mà chỉ là ánh mắt chịu đựng, cố vượt qua thử thách của kiếp người. Người chinh phu thì biên biệt tận sâu thẳm núi rừng phương Bắc.

Đường xa diệu viển, bước chân người chinh phụ
ấy đã băng rừng, lội suối, vượt sông, qua núi, đèo trùng
trùng điệp điệp ở mãi tận đầu nguồn phương Bắc đi tìm
chồng ...

Ôi lá lay kiếp hoa, phận người! Biết ai thấu
chăng cánh nhận lạc tình lẻ loi giữa giòng đời dâu bể
trong mảnh lụa đào sắt son chung thủy....

Thi khúc 1: Viếng mộ thiếu phụ Kim Anh

Thi khúc 2: Về người thiếu phụ năm xưa

Thi khúc 3: Chí trai hồ hải

Thi khúc 4: Loạn lạc - chia ly lần đầu

Thi khúc 5: Thuyền nhân

Thi khúc 6: Chia ly lần hai - khởi đầu đoạn trường khúc

1

Thi khúc 7: Đường ra Bắc

Thi khúc 8: Cuộc sống người "tù" và chồng vợ trong
đoạn trường khúc 2

Thi khúc 9: Vinh danh người thiếu phụ

Thi khúc 10: Lời kết dành cho mảnh "Lụa đào sắt son"

Thi khúc 1:

Viếng mộ thiếu phụ Quê Anh

Thời gian vào buổi sớm mai sương mù. Không gian là những hàng bia mộ thẳng tắp trên nền đất, rải rác những nấm mộ lộ thiên. Lá xanh của những hàng cây trong nghĩa trang đứng sững như cội chết của những nấm mộ. Có dáng người con gái - **Kim Hương** - len lỏi đi giữa những hàng mộ bia đều đặn. Mùi hương khói lan tỏa trong cỏ cây ngậm ngùi ...

*Lá vàng rơi trong lặng lẽ âm thầm
Bao vong hồn nơi quạnh quẽ, tịch liêu
Buồn vui ơi chỉ một thoáng thoáng trầm
Người đã khuất, xa gánh đời nặng trĩu*

*Trả nụ cười cho vận số gian nan
Trả thân xác cho thế gian: hạt bụi
Trả lệ rơi cho tháng ngày lâm lũ
Trả truân chuyên cho mệnh nước suy tàn*

*Đâu phu phụ - em gánh tình duyên nợ
Đâu con thơ - thân lặn lội Cái Cò
Đi thật xa, nơi đất trời khép mở
Cuối kiếp người, dừng vạ nẻo quanh co*

*Người vọng ai mà một ngày hóa đá
Để lại đời mảnh vuông lựa sắt son
Đất Bắc - thôi chẳng còn là đất lạ
Những ngược xuôi năm tháng cũng đã mòn*

Cô thì thắm với ngôi mộ đá và khung hình người quá cố, rồi bày biện hoa, trái cây, nhang, đèn trên mộ và thắp nhang khấn thắm, gục đầu khóc bên bia mộ.

*Người thiếu phụ của thuở xưa xuân sắc
Hương khói bay theo thân xác rã rời
Thôi quên hết những buồn vui nước mắt
Người ở đâu, sao năm mộ không lời*

Mẹ ơi! Mẹ

Xương thịt Mẹ đã âm thầm hóa đất

Chút tình anh theo sương gió bạt ngàn

Bước chân đi có nghĩa là Còn-Mất

Còn thủy chung, nhưng lạc mất cung đàn

Đây bia mộ còn ghi ngày tử biệt

Bụi thời gian xóa lấp cõi nhân gian

Hay oan khuất nằm trong điều oan nghiệt

Sinh tử đâu hồi năm tháng muôn màng

Bóng nắng chiều buông dần xuống và người con gái rời nghĩa trang, trong lòng đầy ắp những hình ảnh quá khứ về Mẹ của cô - người nằm dưới mộ.



Mộ người thiếu phụ "Lụa Đào Sắt Sơn" (1934-2001)

Thi khúc 2:

Về người thiếu phụ năm xưa



Hình đám cưới Ba Mẹ năm 1954

Năm xưa bên chén rượu giao bôi, có hai người thề hứa bên nhau suốt đời dẫu đường đời chông gai vạn dặm, dẫu còn trẻ hay yếu già, cũng như lúc hạnh phúc lẫn đau khổ, gian nan... Thế đấy, người con gái đã theo chồng, về với người mình hẹn thề câu thủy chung. Người chồng năm xưa xông pha ngoài chiến trận và suốt cả một thời xuân sắc, người vợ đã khăn gói theo chồng trên những chuyến xe bụi mịt mù nơi hậu phương và doanh trại đồn lính.

*Thời xuân sắc, áo lụa tình phu phụ
Nửa đường đời đạo chồng vợ sắt son
Chữ hạnh phúc: Kim Anh lòng thâm nhủ
Tạ ơn chồng tấm mắt thật vẹn tròn*

*Anh là lính và em là vợ lính
Đời bỗng quen nghe súng đạn chiến trường
Để đêm đêm nằm bên cạnh người thương
Mùi áo trận lẫn mùi chồng ngộ nghĩnh*

*Đôi giày trận bết đất bùn, bụi đỏ
Chốn cao nguyên mờ sương phủ núi đồi
Anh lặn lội nơi rừng thiêng. Thần nổ...
Như chí trai tay cung kiếm vang hồi*

*Xin Đất Trời chở che diêm lành dữ
Để lần tên mũi đạn sẽ né thân
Người lính chiến giữa sa trường sinh tử
Ai biết đâu tên lạc đạn xa gần*

*Những lo âu đã quàng thâm đôi mắt
Vợ trông chồng ngoài biên ải xa xăm
Biết áo trận giữa phút giây bất trắc
Có bình an... khi đêm xuống âm thầm*

*Duyên tơ thắm khi nắng thu vừa chớm
Mấy mươi năm dấu chinh chiến bên người
Một đời Mẹ theo Cha con khuya sớm
Tình ý xưa vẫn nguyên vẹn một lời*



Hình tiệc cưới Ba Mẹ tại Bạc Liêu năm 1954

Thi khúc 3:
Chí trai hồ hải

Phạm Cẩn: Người chồng của mảnh lụa đào sắt son Kim Anh - xưa thời trai trẻ theo đường cung kiếm. Người thanh niên ấy như bao thanh niên thời ly loạn, đã buông bút nghiên và từ giã nghiêm đường mà đi theo đường binh nghiệp 21 năm trường, cho đến một ngày đành khóc hận nơi trời Nam khi buông súng theo mệnh nước thẳng trảm.

Thời trai trẻ, kiếm cung hào khí và tuổi thanh xuân sống trọn với mộng hải hồ.



**Hình Ba vào quân ngũ năm 1954 (Khóa 5 Sĩ quan
Trù bị Thủ Đức)**

*Đời hồ hải bốn phương trời vùng vẫy
Tuổi đôi mươi mơ cung kiếm lên đường
Sống chết ư, nhạo cười điều run rẩy
Giang san ơi, mộng bảo kiếm Hồ Trường*

*Nghe giai điệu dậy hồn biên cương trận
Khấp sơn hà chón rừng thẳm núi thiêng
Kèn thúc quân rạng danh giờ ra trận
Giữ sơn hà đền ơn nước, tổ tiên*

*Yên cương hồi, gươm báu xưa truyền lại
Chiến mã ngày tung vó ngựa bốn phương
Tác lòng son chẳng nề gì quan ngại
Bụi dặm đường. Ôi vạn nẻo quê hương ...*



**Hình Ba Mẹ viếng chùa Dược Sư ở Banmêthuột vào
khoảng thập niên 1970**

Thi khúc 4:

Loạn lạc - chia ly lần đầu

Thời điểm vào "Tháng Ba năm 1975" ... ngày biến loạn bùng nổ, người thiếu phụ dắt díu con thơ tìm đường sống trong buổi loạn ly ấy. Đây là buổi chia ly đầu trong đoạn trường khúc khi chiến chinh bủa vây phận người. Lần chia ly vì loạn lạc này, chồng vợ đã cách biệt nhau một tháng - không biết tin tức sống chết ra sao...

Người thiếu phụ lạc chồng - người ở đỉnh đồi và người ở chân đồi - và người chồng lính trận không về được với gia đình. Hai ngả đồi đàng đều lánh nạn trong rừng và các Đấng Linh Thiêng nơi rừng núi bạt ngàn đã che chở, bảo bọc họ toàn mạng cùng con cái.

Người thiếu phụ đi tìm chồng trong lửa đạn, biết dặm dài có gặp được chăng? Tìm chồng đâu giữa dòng người chạy loạn? Trong quay cuồng, xin Trời Đất xót thương...

Anh đỉnh đồi. Em chân đồi. Ly biệt

Giặc đến rồi, anh ơi... ở đâu anh?

Lạy Trời Đất, con cúi đầu thống thiết

Xin ơn lành khi đâu trẻ còn xanh

Bốn phương hướng - biết tìm đâu phương hướng!
Trời mệnh mông và Đất cũng mệnh mông
Đành xuôi tay phó thác - niềm tin tưởng
Phật Trời thương xin che chở má hồng

Dẫu mệt lả vẫn cố gượng mà sống
Dẫn con thơ thoát lửa đạn chốn này
Tìm gặp chồng giữa muôn ngàn hy vọng
Rằng đợi em, anh có thoát vòng vây?

Vai Mẹ đã gánh gồng bao buổi chợ
Áo rách mòn, mưa nắng cũng qua đi
Chắc có lẽ đất trời sẽ không nỡ
Tuyệt đường sinh, đường tử để sinh ly

Chạy về đâu giữa phút giây nguy biến
Lánh rừng già, chốn nương náu ẩn thân
Đêm đạn bom nghe đất trời rung chuyển
Là một người ôm con dại thật gần

Nếu có chết, xin được là trọn vẹn
Cả gia đình không ly tán xác thân

*Con sợ. Khóc. Lòng Mẹ sao nghiền nghiền
Mẹ ôm con, ôm tất cả một lần*

*Một tháng trường - khúc đoạn trường lưu lạc
Kiệt sức người. Đứa con đại bụm tay ...
Lấy nước suối cho Mẹ hiền đỡ khát
Đừng bỏ con giữa xa lạ chốn này*

*Dòng suối ơi, nguồn nước trong huyền diệu
Đỡ khát lòng, cơn nắng cháy Tháng Ba
Cám ơn người lòng nhân từ sẽ hiểu
Phút đời cuồng mót khoai rẫy ngày qua*

*Sương khuya lạnh lót lưng người loạn lạc
Nhóm lửa lên tìm hơi ấm tình người
Những khuôn mặt thất thần và ngơ ngác
Ngồi co ro ... nghe đạn nổ lưng trời*

*Đêm trăng tỏ khăn linh thiêng cứu độ
Khăn rừng xanh che chở phút nguy nàn
Khăn mệnh phân đừng chia phân vắn số
Khăn sao trời dẫn con thoát mọi đàng*

Thi khúc 5:
Thuyền nhân

Năm năm sau thời loạn lạc, người con trai lớn của Phạm Cận và Kim Anh đã nghe lời Cha nhắn nhủ trong tù: Con hãy vượt biên tìm đường sống.

Và cậu bé lên đường làm thuyền nhân. Mẹ đau xé lòng bởi ra đi là mệnh Trời tế độ, bàn tay con người thật hữu hạn trong chuyện tử sinh này. Dẫu biết rằng đó là con đường sống thật mong manh, nhưng vẫn còn có cơ hội sống sót và thoát khỏi sự dòm ngó của giặc đang lần hồi xiết chặt cuộc sống để đưa con người đến cảnh làm than, thống khổ và người con trai sẽ bị trở thành công cụ của những danh từ lừa dối từ cộng sản “Nghĩa vụ lao động” hay “Nghĩa vụ quân sự”.

*Con của Mẹ, xưa tay bồng nựng nịu
Nay biển khơi giữa sống chết hãi hùng
Đi đi con, nghe lời Cha...con hiểu
Mẹ thương con, lạy sóng vỗ nghìn trùng*

*Con đi học, Mẹ đưa tận cổng trường
Con đi thi, Mẹ ngóng vào cửa lớp
Con ra biển, Mẹ nằm nghe sấm chớp
Đêm lặng về ... Mẹ khấn vái tứ phương*

Cầu xin con thuyền thúng nhỏ bé, chiếc ghe chài mong
manh đưa con đến bến bờ Tự do.

Cầu xin biển Nam, biển Bắc thuận buồm xuôi gió, đừng
nổi con cuồng nộ.

Cầu xin lòng người đoái thương những kẻ đi tìm con
đường sống bằng con đường chết và đừng xua đuổi
người khôn cùng trở lại với biển động sóng gào.

*Ngóng tin con biển xa đây tin dữ
Góc biển nào con ngụy lặn tử sinh
Mẹ nguyện cầu không bằng lời, bằng chữ
Bằng trái tim Mẹ: Con - nùm ruột mình*

*Xin con sống. Đừng mở xanh vàng cỏ
Đừng trôi thây vào hoang đảo xa xăm
Đừng mất tích chốn tối tăm ngục đờ
Đừng biệt tấm xé lòng Mẹ lặng câm*

Ngày Kim Anh giao đứa con thân yêu cho đại dương, người thiếu phụ ấy không biết làm gì hơn là cầu xin trùng khơi che chở con mình tai qua nạn khỏi, sóng yên bể lặng. Một tháng trường trong từng giây từng phút, lòng người Mẹ rối như tơ vò và chỉ biết lặng lẽ cầu nguyện cho đứa con trai của mình ngày đêm, bởi mệnh số của con là do Trời định.

*Đường con đi có sao Trời dẫn lối?
Có linh thiêng người khuấy mặt độ trì
Có sóng yên cho ghe con trôi nổi
Có lòng nhân, người cứu mạng thiên di*

*Nếu con sống, Mẹ tạ ân Trời Đất
Đã đoái thương những đau khổ tận cùng
Mẹ đã quen sống dòng đời lây lất
Những đứa con là tất cả... đêm chùng*

*Nếu con chết, Mẹ cũng xin Trời Đất
Cho xác con về lại chốn đất liền
Đừng trôi đi để sẽ là biệt mất
Lạy Đất trời con tôi được bình yên*

Những câu chuyện kể về thuyền nhân của những người đã đi trước mà còn sống sót, nhưng không đến được bến bờ Tự do bỗng chốc trở về trong tâm trí Kim Anh như một nỗi lo âu tột cùng.

*Mẹ chết lặng nghe bao lời kể lẽ
Lòng rối bời con vượt biển trùng khơi
Khấn ơn Ông Trên cho qua ngày dâu bể
Giông tố ơi, xin dừng lại... Lạy Trời*

*Em sẽ sống và con mình sẽ sống
Rửa cho anh mỗi nhục chốn đọa đày
Con trai ơi, nỗi oán hờn bi thống
Nhớ nghe con, tên Mẹ giữa bàn tay*

Chuyện người chồng, người vợ, những cô bé tuổi 15, 17 giữa vòng vây hải tặc... Trên ghe vượt biên thì những người đàn ông, đàn bà, con gái và thậm chí cả trẻ thơ đều là những nạn nhân của bọn hải tặc! Đó là điều bất hạnh của một dân tộc trên đường chạy trốn chế độ cộng sản.

Họ sợ chết ... Vâng!

Họ sợ bị hãm hiếp ... Vâng!

Họ sợ đói ... Vâng!

Họ sợ khát ... Vâng!

Họ sợ bị bắn chết trên đường trốn chạy. Vâng!

Họ sợ mất chồng, mất vợ, mất con thơ khi bọn hải tặc lừa người sang ghe hải tặc. Vâng!

Cái đắng cay ấy của họ là cái giá phải trả, kể cả phải trả giá bằng mạng sống!

Mọi người đều biết chuyện gì có thể xảy ra cho chính bản thân họ, gia đình thân yêu của họ; nhưng nếu có cơ hội, thì họ cũng vẫn muốn rời mảnh đất nơi họ sống đang bị nhuộm đỏ bởi chính quyền cộng sản để đi tìm mảnh đất mới sinh sống.

Và đau đớn, xót xa thay cho những gia đình, những người phụ nữ tay yếu chân mềm, trẻ thơ vô tội

không lối thoát, không một chọn lựa nào khác trên con thuyền trôi trên trời lênh đênh hay vỡ nát!

*Nghe man rợ tiếng hét la vọng lại
Tiếng tử thần, cửa địa ngục mở ra
Mẹ ôm con chấp tay xin khẩn vái
Thân Mẹ... thôi... nhắm mắt cũng qua mà...*

*Xin đổi mạng cho con tôi được sống
Xin thứ tha, anh nơi ngục tối tăm
Em cắn răng nghe lời anh vượt sóng
Biển ngoài kia đâu mắt ánh trăng rằm*

*Từ ngày ấy những lúc em ra biển
Nhìn sóng gào mà nước mắt trào tuôn
Đâu mảnh ván buồm tay em ...Một miếng
Đâu phút giây hải tặc bỗng điên cuồng*

Cần bao nhiêu năm để một người Mẹ quên đi tiếng kêu cứu của con gái mình trong tay hải tặc? Vĩnh viễn và đời đời tiếng kêu thét ấy khuấy động cả đại

dương và chìm sâu trong lòng người Mẹ không cứu được con mình trong nỗi uất nghẹn tột cùng.

Tiếng thất thanh giữa đêm trường vô vọng

Mẹ cứu con. Mẹ ơi, Mẹ cứu con...

Bầy quẻ dữ xé toang... thân bé bỏng

Áo hoa con. Tôi tả ...Tuổi mộng tròn

Xác thân người giữa phong ba bão tố

Phó mệnh Trời xin rủ chút xót thương

Tự do ơi, chim lạc bầy vỡ tổ

Mẹ Cha ơi, con thân gái dặm trường ...

Bao nhiêu giấy mực, chuyện kể của tiếng khóc, nỗi uất nghẹn, nỗi lòng trĩu nặng còn đọng lại thành vết thương sâu tận trong lòng cho vừa đủ... chẳng bao giờ nói hết được!

Để chỉ cần nhắc đến hai chữ "Thuyền nhân" là cả một trang quá khứ đau thương ứa về theo nước mắt. Dòng nước mắt của bao điều thống khổ tận cùng đến không còn ngôn từ diễn tả. Dòng nước mắt của tủi nhục, đốn đau, xót xa cho những gia đình, người phụ nữ tay yếu

chân mềm, trẻ thơ vô tội không lối thoát, không một
chọn lựa nào khác trên con thuyền chòng chành trôi lên
đênh hay vỡ vụn giữa mênh mông!

*Tiếng gào rú của biển đông oan nghiệt
Đẩy hồn oan thân xác đắm máu khô
Xuống tận đáy đại dương không thương tiếc
Nước mắt nào đưa tiễn kẻ không mồ*

*Ơi biển mặn... mặn thêm dòng lệ mặn
Ơi trùng dương hòa nhuộm máu, xác người
Đâu nhân ái giữa đảo hoang, biển vắng
Ơi bi thương, sâu ngát giữa đất trời*

Thi khúc 6:

Chia ly lần hai –

khởi đầu đoạn trường khúc 1

*Nhắc chi cung kiếm binh đao nữa
Một giải sơn hà đã tang thương
Bắc Nam từ độ tranh nghiêng giữa
Bến Hải Hiền Lương luống đoạn trường*

*Dung nhan ấy nổi trôi theo vận nước
Sầu riêng chung bao cay đắng mệnh người
Buổi loạn ly đã vạn lần xuôi ngược
Đoạn trường ơi, ngày mất nước nghẹn lời*

*Anh đi phương ấy xa biên biệt
Bảo trọng thân mình, em ngóng trông
Đàn trẻ đại khờ rồi sẽ biết
Cha con theo lời gọi núi sông*

*Rừng thiêng che chở cho anh nhé
Núi thăm trông chừng bước chân đi
Nhấn sông xuôi ngược đừng phân rẽ
Em đợi ngày về hết biệt ly*



Người phụ nữ "Lụa đào sắt son" thời xuân sắc

*Chiến trận ngoài kia là sinh tử
Phó thác Trời cao em biết không
Vợ rưng nước mắt- lành hay dữ
Xin nguyện Ông Trên đến với chồng*

*Phấn son em cất theo gương lược
Lấy chồng chinh chiến áo trận xanh
Xa xăm biên ải hồn non nước
Em ở nhà lặng lẽ đợi chờ anh*

*Yêu em biết mấy phút tơ chùng
Anh sẽ nhớ em và nhớ con
Một mai ta sẽ lại tương phùng
Em vẫn hương trầm dầu héo hon*

*Về nhà vài bữa lại xa em
Biết nói gì đây mái tóc mềm
Chồng em lính trận em biết đấy
Em vái van Trời khắp Đông Tây*

*Biên cương trấn ải chừng hui quạnh
Tay súng chìm trong ánh nắng chiều
Từng đêm gió núi và sương lạnh
Poncho như thể vợ thương yêu*

Thi khúc 7:
Đường ra Bắc

*Niềm trông ngóng dấu cỡi lòng héo rũ
Phút tiễn chồng đi vào chốn ngục lao
Buổi can qua nghe đất trời vẫn vũ
Ghênh thác xưa, núi đá cũng nghẹn ngào*

*Đôi mắt Mẹ là tháng ngày quá khứ
Đôi theo chồng, đã phương Bắc ... ra đi
Biết đâu phút chia biệt là sinh tử
Hai mái đầu lặng lẽ khóc phân ly*

Hương đi từ Hà Nội đi Yên Bái và cuối trạm thì xuống Ga Âm Thượng. Kim Anh thất thểu trong đoàn người từ trong tàu đi ra, sau lưng là một số người chen chúc cùng xuống xe lửa.

Tiếng vọng ồn ào từ trong tàu ra là tiếng súc vật heo gà eng éc vì người và vật đi chung trong chiếc tàu lửa ấy.

*Từ Hà Nội ra đến ga Ấm Thượng
Trăm ký lô đã ngược Bắc nuôi chồng
Con trông ngóng cha và vợ gánh gồng
Đường diều vợ Bắc Nam đành gắng gượng*

Người vợ Kim Anh tìm chồng giữa núi rừng:

*Thượng Đế hỏi, bàn tay con hữu hạn
Rừng núi thiêng xin dịu dặt dẫm đường
Nước mắt em từ lâu rồi đã cạn
Héo hon lòng tìm tay ấm yêu thương*

*Đây đất Bắc chốn tận cùng sâu thẳm
Hoàng Liên Sơn vỡ tiếng khóc đại ngàn
Thân thiếu phụ bước đường xa cơm nắm
Ngủ bìa rừng cạnh muông thú dã hoang*

*Tìm chồng lên núi non cao thẳm
Núi khuất sương mù nhuốm tang thương
Tháng nào gió bắc về muôn dặm
Vượt khúc trần ai, khúc đoạn trường*

*Không thuyền, không bến, đường xa lạ
Vượt cạn dòng sông, vượt cạn đời
Nắng tắt bên sông đành vội vã
Phó thác nông sâu với đất trời*

*Cơm nắm, lương khô cho tù tội
Đội cả lên đầu tóc bạc phai
Đừng ướt, đừng trôi, đoàn người lội
Kẻ níu, kẻ đu sóng mệt nhoài*

*Khúc xoáy giữa sông đầy nghiệt ngã
Dẫu cuồng nộ máu phải qua sông
Tay người bầu vùi trong mệt lả
Bên kia ghềnh đá ... sẽ gặp chông*

*Chân rã rời, gậy chống thêm bước mới
Đá hoang vu nín lặng nổi sỏi chia
Ngả lưng nằm khấn sao trời vùi vội
Xin Ông Trên đường đôi ngã chia lìa*

*Đêm nay lạnh, lòng em sương núi buốt
Biết đâu anh chết cóng ở ngoài kia*

Một nắm cơm. Đợi hỡi hừng móng vuốt
Thú rừng hoang dọa dẫm bóng trắng khuya

Rừng. Và rừng. Thăm sâu điều sợ hãi
Trong lòng em nổi oan nghiệt vây chùng
Những đứa con ngóng em bên nhà ngoại
Anh mù tăm nơi chốn biệt nghìn trùng

Cơn đói rét đêm trắng đêm chờ đợi
Bạn đồng hành: thăm đếm thời gian trôi
Núi non ơi hun hút xa vời vợi
Xin tương phùng dấu đành đoạn chia phôi

Cầu ơn phước cho chồng con được sống
Cho vẹn toàn thân thể của thuở xưa
Cho tâm trí còn biết điều trông ngóng
Đợi vợ hiền dấu giông bão nắng mưa

Thi khúc 8:

**Cuộc sống người “tù” và
chồng vợ trong đoạn trường
khúc 2**

Bài thơ được viết theo lời kể chuyện của một người tù năm xưa trên một trại giam "tù cải tạo" gần thị trấn Thất Khê. Người tù ấy đã từng đứng trên đầu nguồn của dòng sông Kỳ Cùng, nhìn thấy hai dòng nước đục trong của con sông ấy rời quê mẹ Việt Nam và chảy ngược về hướng Trung quốc mà lòng xót xa...Hai màu nước đục trong tựa như thể tổ quốc Việt Nam đứng giữa hai dòng khác biệt để chẳng bao giờ có thể cùng hòa chung nhau một dòng nước.

Từ núi của cha chốn mênh mông
Từ quê đất mẹ một tấm lòng
Có giòng suối nhỏ lượn quanh quẩn
Đã hóa Kỳ Cùng một nhánh sông

Hai giòng trong đục bỏ quê cha
Thất Khê từ đấy biệt quan hà
Xót xa đôi ngã người Nam Bắc
Lạng Sơn muôn nẻo dặm đường xa

Người tù lặng lẽ ngắm giòng sông
Se sắt con tim nghẹn cõi lòng
Kỳ Cùng chảy ngược về xứ lạ
Nắng tắt hoàng hôn vợ ngóng chồng

Chiều thân tù ngục đứng ngó mong
Trùng trùng điệp điệp có buồn không
Đôi bờ sông của dòng ly biệt
Có biết đục trong chẳng chung dòng

*Hồn thiêng sông núi của ngàn năm
Có rưng rưng khóc lệ âm thầm
Ngẩng mặt nhìn trời rừng Việt Bắc
Đây khúc giang đầu của Việt Nam ...*

Chạnh lòng Phạm Cận nhớ lại chuyện xưa...

*Làm lũ rừng mây thấp thoáng sương
Chạnh nhớ năm xưa bước sa trường
Giang sơn hùng khí hồi vọng tưởng
Sông núi chốn này, gãy đao thương*

*Người Nam ra Bắc: vui thay lại
Người Bắc vô Nam: mộng bá đồ
Ngày đi: gian dối điều oan trái
Ngày về: còn lại nắm xương khô*

Người chồng trong lao ngục:

Nơi chốn quanh hiu của rừng núi trùng trùng sâu thẳm
và giá rét bào xé thịt da khi cơn gió bắc về trên sườn núi,
lan tỏa xuống thung lũng, rồi len lõi tận cùng vào da thịt
những người tù nằm co ro trong những lán trại trống

hoác đợi gió lùa, có những đêm dài không đếm được ngày tháng, người tù đã cố gắng ngủ mà trong tiềm thức là sự hỗn loạn của những đọa đày....

*Những đêm trường xen lẫn với bình minh
Ra đất Bắc là xuôi đường tử lộ
Đành nhắm mắt và khấn thầm mệnh số
Khấn rừng thiêng xin bảo hộ thân mình*

*Nơi anh ở chốn "trại tù cải tạo"!
Đếm từng ngày đợi ánh mặt trời lên
Ừ mình đây, còn sống với tuổi tên
Nghe tiếng keng dậy khua vang lòng chảo*

*Đồi núi cao, thung lũng lạnh rợn người
Nhà lá cọ phủ vách rơm trộn đất
Ấm lạnh gì hơi cùng trời cuối đất
Nắng mưa gì cũng nhúm da phơi*

*Giữa núi rừng là dãy nhà... lán trại
Giữa ngục tù là thẳm lặng, phong ba
Nín câm đi - đợi ngày ta về lại
Từ oan khiên trăm vạn nỗi u hoài*

Rồi làm bạn với trời xanh cao với
Với rừng già sâu thẳm lạnh căm căm
Với côn trùng trốn chui nhủi âm thầm
(Kéo mang họa chết trong tay "tù đói"!)

Rừng ở đó biết bao giờ trơ trụi
Sẽ thành nhà, thành mọi thứ thay cơm
Trần trọc chi nhắm mắt ngủ với rơm
Ta và rận - cùng tù chung phận tù

Từ địa ngục nghe tiếng ai vọng hú
Gió sương nào oan nghiệt phủ rừng hoang
Thân tả tơi, mắt tù đêm không ngủ
Rạ rơm buồn chua xót đọng tâm can

Nắng sấy khô những máu và tử nhục
Những bóng ma còn lê lét bước chân
Những rách bươm "áo quần" thân tù ngục
Nắng mưa chi thêm khổ lụy bụi trần

Sống và chết trong oằn người uất hận
Nước sông kia - cơn khát nước quặn lòng
Nắng ngục tù, nắng hời sao tàn nhẫn
Thieu đốt người giữa khổ ải mênh mông

Bên kia suối là cọng rau, ngọn cỏ
Biến chúng thành món mỹ vị cao lương
Thêm chút muối bồi bổ một nắm xương
Để chịu đựng ngón đòn thù "bên đó"

"Món ăn chính" là măng rừng muối hột
Đọt khoai mì, lát sắn mốc xanh xanh
Không bỏ thịt cũng bỏ cho xương cốt
Nuốt hờn căm, dầu côi thê treo màn

Cái bao tử được đo bằng "ngũ cốc"
Dăm ba thìa, miếng sắn cũng đầy thoi
Nhai chậm chậm kéo chẳng còn mấy chốc
Mình được ăn, cũng như... no đấy rồi!

Chiếc lon gô nghe mằn mằn cãm hờn
Sống hay Chết? Nhục vinh nào gột rửa
Bạn anh đấy chết buồn bên ánh lửa
Chết rét - nằm co quắp nổi cô đơn

Khuya thao thức rỗng bụng tìm chai lọ
Hạt cơm tù... đếm mãi! Vẫn chưa no
Ngủ sao được, ngòì nhìn nhau một xó
Nhìn rệp bầy ăn cỏ, chúng sẽ no

Được nhóm lửa mỗi chiều về lán trại
Đã là niềm hạnh phúc thật lớn lao
Nấu gì ư? Dầu một vài con nhái
Chút muối nêm nghe mằn đắng làm sao

Có những lúc chỉ pha trà uống đỡ
Bữa cơm chiều ngót nghét một muỗng thôi
Khơi lửa lên, cho ấm lòng tù tội
Gạo hãm rồi, có mốc cũng làm ngơ

*Xuân đại tiệc miếng da trâu già nhách
Cũng còn hơn không có chút "thịt" gì
Vùi trong lửa cho thơm và cho sạch
Bỏ vô "gô" nấu cho nở da bì*

*Dẫu suối lạnh vẫn là nơi tắm giặt
Trả lại bùn, trả lại đất ... Ngày qua
Xin nhân từ hỡi con rét tháng ba
Thân gầy đói, xương da đành héo hắt*

*Cửa ngục tù có bao giờ hoen rỉ
Khoen sắt kia có lạng lẽ khóc thầm
Ta với mi tù tội như nhau nhỉ?
Đém trăng tròn niêm uất hận lạng cầm*

*Đây mưa phùn, đây gió bắc Thương du
Sông chảy xiết và lá buông rừng lá
Núi khuất sương, lán nơi nào trăm ngả
Kêu gọi anh, về với xích xiềng tù*

Mai thức giấc mở mắt ra thấy vẫn ...
Là mặt trời nóng hừng hực trên lưng
Là suối trôi cuốn người lội nửa chừng
Là tre, nứa, lồ ô, luồng tiêu chuẩn

Từ đời, dốc nhìn luồng cao ngất ngểu
Hỏi trời cao, tù vác được bao nhiêu
Luồng trên vai chân bước lê thất thểu
Về lán đi - chiều ngả bóng xế chiều

Thung lũng chết, người tù và cỡi chết
Núi cao chi sừng sững ở Cổng Trời
Đáy tử địa, xóa đi ngàn dấu vết
Chốn tận cùng tuyệt vọng những tà tời

Quán trong "mền", bảy nẹp tre để gói
Khiêng bạn tù mà chạnh nghĩ thân ta
Bạn nằm đó dẫu là rét tháng Ba
Vẫn hạnh phúc, chẳng lo no, no đói

Chôn kiếu nào cũng quay đầu về núi
Để ngậm hờn nuốt hận tháng ngày qua
Có bia mộ nằm giữa chốn rừng xa
Là may mắn hơn xác tù trôi xuôi

Sao núi rừng là ngục tù xiềng xích
Sao sông sâu cuốn trôi xác bạn mình
Sao thung lũng đầy súng thù của địch
Chắc đất trời theo vận nước điêu linh

Hỡi vinh nhục của một thời áo trận
Kiếm thép xưa nay lặng lẽ giữa rừng
Gầm lên đi hỡi non cao uất hận
Đếm ngày về nghe sao thấy dửng dưng

Vợ con là liều thuốc hồi sinh đấy
Ngày với đêm vẫn hy vọng đợi chờ
Miễn còn hồn xác, xương khô vậy
Phút sum vầy sẽ thực chứ không mơ

*Qua Sông Lô, ga Hòa Hưng, Thanh Hóa
Chiếc túi đệm dăm ký vượt đường xa
Những viên thuốc, sữa, đường, món lạ
Đã lâu rồi quên cơm vợ quê nhà*

*Về lại hà ... như giấc mơ thần thánh
Lên núi buồn ngồi xếp đá thành non
Thành nắm mộ chẳng khói nhang hiu quạnh
Trần trọc khuya hiểu ra chuyện mắt còn*

*Hồi rừng thiêng giữ cốt xương tàn rụi
Giữ buồn vui, nước mắt lẫn hận thù
Thân ở lại khuất oan chìm góc núi ...
Tâm người về thanh thảo với thiên thu*

Chinh phụ gặp chinh phu trong chốn lao tù:

Đoạn trường khúc 13 năm

*Còng tù tội khóa tay người vô tội
Suối nông sâu, triền dốc bóng tử thần
Bên kia bờ là địa ngục của người thân
Rừng tiếp nối, biết nơi nào ngược lối*

*Xe trâu chở những gói "quà" cột chặt
Chở gian truân qua sông suối, qua cầu
Chở vợ chồng rưng rưng tràn nước mắt
Nhìn mặt nhau nhớ giây phút tựa đầu*

*Nhìn tấm áo ngày ra đi buồm rách
Biết thân anh có tôi tả đòn thù
Đừng dẫu em những tiêu tan hồn phách
Của những ngày anh "Nhất nhật thiên thu"*

*Thư em viết để trong hủ mắm ruốc
Gói ân tình chồng vợ vẫn tràn đầy
Mười lăm phút tưởng chừng chỉ phút giây
Nhìn nhau khuất ... mà lòng đau quặn ruột*

*Khép cổng lại giờ thăm nuôi đã hết
Quay lưng rồi là đôi ngả phân ly
Chồng vợ đầy biết ai người sống chết
Chút thân tàn lặng lẽ gánh - bước đi*

*Bao nhiêu chữ nghĩa bết dâu
Trôi ra biển lớn, sông sâu cạn cùng
Trôi theo thác đổ lạnh lùng
Trôi theo mưa gió bão bùng tiễn nhau
Ở tù trong núi bấy lâu
Một ngày bỗng thấy đêm thâu rạng ngời
Thế gian chẳng có mặt trời
Cần chi... Nhắm mắt cuối đời vùi thây
Rừng ơi. Góc núi có hay
Ta thành sỏi đá chốn này như mi
Chút xương trắng hếu phân ly
Còn tình anh lại, về đi mộng tàn
Vết đau như nứa cắt ngang
Núi sông còn lại ... Đại ngàn. Bóng ma
Đến đây làm lủi đường xa
Ra đi thỉnh lặng sương sa mé rừng
Chốn này địa ngục. Quay lưng
Thiên đàng mở cửa, mở từng nghiệt oan*

Mở toang cùm xích nằm ngang
Ta theo hương khói nén nhang khẩn thâm
Mở lòng thù hận trong tâm
Kẻ Nam, người Bắc - cõi âm dương rồi
Buộc khăn tang quấn mồ cô
Ai người cô phụ, con tôi đại khờ
Rung rung... thân xác cứng đờ
Gói trong manh chiếu hững hờ lạnh tanh
Gốc sồi dấu tích rừng xanh
Dăm ba nhát cuốc, phủ quanh năm mồ
Còn tên tuổi gởi hư vô
Bạn tù chắc nhớ ướt khô chỗ nằm ...

Thi khúc 9:

Vinh danh người thiếu phụ

Trái tim người thiếu phụ đã đợi "chồng về" từ "*Mười- Ba-Năm*" trước - trong một lần người ra đi dặn dò: "Anh đi 1 tháng rồi về, em ở nhà trông con và giữ gìn sức khỏe, anh sẽ về!" , nhưng có ngờ đâu người đi tận mãi nghìn trùng phương Bắc, tận những nơi mang danh địa ngục xa lạ: Trại 3, trại 7 Hoàng Liên Sơn, trại Vĩnh Quang (Vĩnh Phú), Trại Hàm Tân Z 30 D ...v...v... nhiều không kể xiết.

"*Mười-Ba-Năm*" viết trong dấu ngoặc kép là nổi đoạn trường của một người vợ tù CS, là khúc đời gãy đôi của hai người bạn lòng đang độ xuân sắc, mặn nồng, là đôi bờ cách ngăn và vọng tưởng, là chữ "Sống" và chữ "Chết" về trong ý nghĩ của đôi vợ chồng trong từng ngày dài, từng đêm thức trắng...

*Một đời thiếu phụ sắt son
Lụa đào môi thắm đâu còn Mẹ ơi...
Tiếng ai vọng lại ru hời
Giữ câu chung thủy cho đời mai sau
Tóc xanh nay đã bạc màu
Phấn hương trang điểm dãi dầu ly hương
Trăm năm phiến đá vô thường
Khắc tên lưu lại chặng đường tử sinh
Xác thân thôi đã dậm nghìn
Xa chồng con, chốn đấng trình viễn du
Bao mùa lá rụng biệt mù
Gió bay cát bụi thiên thu chốn này*



**Hình Ba Mẹ chụp lúc đi chùa sau khi Ba ra tù CS
ngày 13/2/1988**

Thi khúc 10:

Lời kết

dành cho mảnh

"Lựa đào sắt son"

Hỡi rừng thiêng nước độc vùng Việt Bắc, xin trả lại núi rừng những giọt nước mắt khổ đau của kiếp tù, cũng như xin nguyện cầu cho muôn vàn số phận người không may đã không có cơ hội rời xa chốn ấy, sẽ theo mây trời về lại chốn cũ lúc ra đi mà đoàn tụ với những người thân thương của mình.

Xin được trang trọng nâng niu mảnh "**Lụa đào Kim Anh**" mãi một lòng Sắt Sơn với nghĩa tình trăm năm phu phụ.

Mẹ ơi...

Đây di ảnh của tháng ngày xưa cũ

Đây phấn son của riêng Mẹ thuở nào

Thôi bình yên Mẹ ngàn năm yên ngủ

Trả lại đời muôn vạn nỗi trầm hao

Màu áo lụa thuở má đào son sắc

Mấy mươi năm chung thủy một tấm lòng

Như vàng trắng soi kiếp người vằng vặc

Chữ thương yêu trong ấm lạnh mặn nồng

Hương rừng từ sâu thẳm phương Bắc bay về phương
Nam như nén hương lòng ngưỡng mộ vương Lụa Đào đã
lặn lội tìm chồng nơi chốn tù ngục xa xăm ở đầu nguồn
Tổ quốc.

Ai người xưa đợi chồng về

Lụa Đào vạn dặm phu thê vương tròn

Thăm chồng phương Bắc lối mòn

Tích xưa lưu lại vẫn còn Vọng Phu

(Viết xong 30/4/ 2017)



**Hình Ba Mẹ chụp tháng 2 năm 1993
(trước khi đi Mỹ)**

PHẦN II
TÙY BÚT

HƯƠNG ÁO MẸ

(Kính tặng Mẹ)

Kể từ mốc thời gian của Tháng Ba năm 1975, phần son “mệnh phụ” của Mẹ đã không còn nữa... Dăm ba chiếc áo cũ lượm lại của Ngoại đắp thêm vài miếng "vá chằng vá đụp" cho những buổi chợ sớm trưa, những ngày đêm mình dưới ruộng, dưới nương.

Bất chợt một hôm Mẹ nhận được tin báo "Sẽ có đợt thả tù trong Tết này" từ những bà bạn đi thăm nuôi chồng trong trại tù "cải tạo" ngoài Bắc. Tin ấy đã vực Mẹ tôi dậy như một phép màu. Không biết Ba tôi bao giờ về. Không biết từ trại nào về. Không biết sẽ về bằng phương tiện gì... thế nhưng lời báo tin ấy như chiếc đũa thần gõ lên định mệnh của Mẹ. Để rồi Ngoại Năm bảo Mẹ tôi: *"Đi may một chiếc áo dài đi con!"*.

Đó là chiếc áo dài màu lam của Phật có thêu những cành hoa lan. Chiếc áo được Mẹ chọn màu hiền hòa, nhu mì của Phật để tạ Ôn Trên cứu mạng chồng bao lần nơi rừng sâu nước độc, được những đứa con gái của Mẹ cặm cụi, tỉ mỉ thêu từng đường kim mũi chỉ. Người thợ may trên mảnh ruộng quê nghĩ tình hàng xóm đã lấy tiền công tượng trưng, như thế là góp chút công cho người đàn bà đợi chồng về được mặc một tấm áo thơm mát mà đón chồng.... sau đặng đặng 13 năm trời xa cách trong vòng tù ngục.

Lúc ra chợ chọn vải, Mẹ lại đắn đo: Nên mua hay là để dành tiền nuôi con, đừng mua áo nữa, dầu tiền vải và tiền công may áo do Ngoại Năm cho Mẹ cả. Chắc là vì lòng kính Phật, thương Ngoại Năm, mà Mẹ tôi đã

vâng lời hơn là nghĩ đến tấm áo mới, khi biết chắc rằng ngày Ba tôi về sẽ gầy guộc, hốc hác như bộ xương ma ở dương gian. Chứ nếu Mẹ ngần ngừ, có lẽ chẳng có chiếc áo nào "cho ra hôn" để lên chùa lễ Phật trong ngày Ba tôi về đoàn tụ gia đình cả!

Rồi đêm ngày Mẹ thổn thức theo từng đường kim thêu của con gái Mẹ. Bốn cô con gái ngọc ngà, tiểu thư, ngày xưa chỉ biết “chân chỉ hạt bột” với sách vở học trò, nay đã ngồi đêm ngày làm thợ thêu. Thêu áo cho người bao nhiêu năm và lần này là lần đầu tiên thêu áo cho Mẹ.

Mẹ đã cùng các con chọn mẫu thêu cho chiếc áo dài màu lam ấy, chọn hoa lan cho áo Mẹ vì đó là loài hoa mà Ba thích. Ba tôi đã hãnh diện vì công chăm sóc một giàn hoa lan đặc sản của núi rừng Banmê. Công xin với núi rừng những cảnh phong lan trên đường hành quân của Ba và các chú lính, công khó leo lên hái lan- gỡ sao cho khéo, lấy cả rễ già, rễ non... Rồi chúng theo nhau về phố trên những chiếc ba lô, chiếc xe GMC vương đầy bụi đỏ đường xa. Phong Lan Rừng về đến phố thị thì trở thành những đóa lan vương giả với những cái tên thật đài các như Hoàng thảo, Ngọc Điểm, Nghinh Xuân, Bạch Hạc, Chu Đình, Giáng Hương, Bạch Câu, Dã Hạc, Phi

Điệp, Hoàng Phi, Hoàng Lạp... Gửi lại cho rừng đại ngàn tên gọi "Phong Lan Rừng" thân thương của thuở hồng hoang bạt ngàn.

Mẹ đã mất hết tất cả những chiếc áo dài ngày xưa Ba sắm cho Mẹ sau trận giặc năm 1975, nhưng hơn 10 năm sau, khi may chiếc áo dài lam Phật, Mẹ vẫn chọn chiều cao của cổ áo... như thuở xưa, thuở Ba còn bên cạnh Mẹ, không hề thay đổi cổ áo cho hợp thời điểm ấy. Có ai thấu hiểu được chiếc cổ áo dài 3 phân ấy là một phần cuộc đời của Ba Mẹ không? Sự chung thủy quả thật đã thử thách một người phụ nữ, để chẳng đơn giản cho con thuyền của một người đàn bà có chồng trong ngục tù Cộng sản, chiếc thuyền ấy trôi tránh giữa đêm tối mênh mông bão tố của vận nước đến lúc cạn cùng trong uất hận và oan khiên.

Ngày Mẹ đi may chiếc áo dài, tóc người vẫn còn lộn dài, lộn ngắn- trắng nhiều hơn đen pha lẫn nhau - búi vôi vàng sau gáy người phụ nữ độ tứ tuần. Mái tóc uốn quăn ngắn ngắn cho gọn kể từ khi Mẹ lấy chồng đã dài theo năm tháng ở ruộng và ngấm nước phèn chua mặn mẫn, nên đã quên mất hương bồ kết với chanh, quên hết sợi mềm, quên cả gương lược thời Mẹ nhan sắc khi về

với Ba, để rồi mái tóc khô khốc ấy trộn lẫn màu đất nâu, vàng hoe của những cơn nắng đỏ lửa, lẫn màu trắng bạc của thời gian.

Mái tóc chải chuốt ngày xưa giờ đã lệch ngời rề, khi Ba tôi đi biệt qua những trại tù... Gió bụi đường xa của những lần thăm nuôi nằm bờ nằm bụi, nắng mưa cuộc đời đổi thay, của thương hải tang điền. Những vát vả, bươn chải của tay nách một bầy con thơ tám đứa, còn có tâm trí và thời gian đâu để mà nhớ đến mái tóc.

Tất cả đã làm tôi có cảm tưởng như Mẹ chỉ còn cái xác, còn phần hồn đã gọi đi mãi tận những nơi mang danh địa ngục xa lạ nghìn trùng: Trại 3, trại 7 Hoàng Liên Sơn, trại Vĩnh Quang (Vĩnh Phú), Trại Hàm Tân Z 30 D ...v...v..., nên từ đầu đến chân Mẹ là một “mớ” khổ trần ai rắp nối nhau để đi, để đứng, để nằm ngò, chứ không còn là một con người với tâm thân nhất quán nữa!

Cô thợ may đo ni áo cho Mẹ xong nhìn lại khuôn mặt Mẹ sạm vì nắng và những vết hằn ngang trên trán, chột nhìn mái tóc Mẹ rồi buột miệng hỏi: *"Di Tư muốn cắt tóc lại cho gọn để mặc áo dài đón dựng Tư về không, con cắt cho!"*. Cuối cùng Mẹ tôi đã uốn tóc lại như ngày xưa trước khi chồng đi tù và lòng thì ghen

ngào xen lẫn nỗi mừng vui đợi chồng về- hay nói đúng hơn là "... *sống sót trở về từ lao tù Cộng sản...*".

Thời con gái eo thon của Mẹ đã qua trong chén tình bén duyên, đến thời gian hạnh phúc được làm Mẹ, sinh nở từ vòng eo nhiệm màu mà Thượng đế ban cho người phụ nữ. Vòng eo ấy đã có lúc từng nách con chạy giặc, từng khệ nệ thúng lúa, thúng khoai nuôi con nên người, nay trải qua vòng eo của người vợ đợi chồng qua tằm áo lam. Mẹ trong chiếc áo dài màu lam ẩn dấu chữ Tình, chữ Nghĩa, chữ Thương... mà quên đi chữ Riêng Mình!

Khi chiếc áo thêu và may xong, Mẹ ước thử một lần ở tiệm may, rồi giặt và xếp lại cẩn thận, bỏ trong bao nylon... chờ đợi người về! Kể từ đây Mẹ lại càng đi hỏi han tin tức nhiều hơn, làm quen với tất cả những người đi thăm nuôi tù "cải tạo", bởi cáitin đạo nọ đã như ngọn lửa âm ỉ trong lòng Mẹ từng giây, từng phút... Ngày qua ngày, tuần qua tuần và tháng này qua tháng nọ, Mẹ tôi vẫn không nản lòng đi tìm kiếm, nghe ngóng, chờ đợi tin tức người cha ở trong rừng. Tìm qua lời kể, tìm qua linh tính rằng chuyện chồng về sẽ có thật! Chiếc áo màu lam như một lá bùa thiêng mà Ông Trên ban cho Mẹ "*Áo của*

Phật", nên Mẹ tin rằng sẽ còn gặp Ba như một sự đền bù khổ nạn 13 năm trời của hai người.

Và cũng từ đây, những buổi chợ của Mẹ là những buổi chiều về muộn màng hơn để kiếm thêm vài đồng lẻ, lời nài nỉ mua hàng ế đã lay động lòng người, để rồi về nhà dăm dúm cát để dành... đợi chồng về! Chiếc áo dài mới may được xếp vuông vắn bên cạnh chiếc túi nhỏ cất những đồng tiền lẻ ấy như một hình ảnh hồi sinh của Mẹ. Còn những chiếc áo Mẹ mặc thường ngày khô ướm với bùn sinh đồng ruộng, mũ chuối, mũ cau hay những vết máu khô của con cá lóc, cá trê của những buổi chợ, những con cá từ mẻ chài lưới, tát đĩa, tát mương của con, thì Mẹ lại dửng dưng phơi nó dưới những ngày nắng khô hạn hay lúc mưa dầm dề trên sân phơi lúa. Có ai biết những chiếc áo ấy cũng mặn dòng nước mắt khóc thầm khi ngóng chồng, nhìn đàn con đại ngủ chen chúc nhau trên chiếc giường ọp ọp trong một mái nhà tranh giữa đồng không mông quạnh?

Không còn gần nhau để Ba thấy Mẹ vai gầy theo năm tháng. Không còn gần nhau để Mẹ săn sóc Ba qua chiếc nút đơm tươm tất cho chiếc áo lính trận sau mỗi lần Ba đi hành quân về, thế nhưng cả Ba và Mẹ đều có

nhau... Để có lần Mẹ ra thăm nuôi Ba ở rừng núi Việt Bắc, Mẹ đã thúc hời Ba: *"Anh mặc hai chiếc áo em may vô người đi, kéo chúng nó thấy anh có nhiều áo quá thì lấy bớt, rồi làm sao anh đủ áo mặc trong bao nhiêu năm sau nữa. Em không biết năm sau có ra thăm anh được nữa không... bỏ đàn con ở nhà em sợ điều may rủi, còn để anh một mình ngoài chốn rừng sâu núi thẳm này thì em lo!"*.

Trái tim Mẹ đã đợi "chồng về" từ *"Mười- Ba-Năm"* trước - trong một lần Ba dặn: "Anh đi 1 tháng rồi về, em ở nhà trông con và giữ gìn sức khỏe, anh sẽ về!..."

"Mười-Ba-Năm" mà tôi viết trong dấu ngoặc kép là nỗi đoạn trường của một "người vợ tù cải tạo" là khúc đời gãy đôi của hai người bạn lòng đang độ xuân sắc, mặn nồng, là đôi bờ cách ngăn và vọng tưởng, là chữ "Sống" và chữ "Chết" về trong ý nghĩ của đôi vợ chồng trong từng ngày dài, từng đêm trắng...

"Mười-Ba-Năm" phu phụ vẫn một lòng bên nhau, dấu áo Ba mặc trên người hay đem theo đã mòn, đã sờn, đã rách và cả những chiếc áo Mẹ may thế mạng Ba giữa rừng đã không còn nữa; dấu biết bao nhiêu chiếc áo của

Mẹ đã trôi theo dòng đời bươn bả nuôi con, duy chỉ có chiếc áo dài màu lam Phật này là linh thiêng nhất, bởi nó đã vượt qua biết bao khúc khủy cuộc đời để sống còn.

Ngày Ba về -trong hương áo Mẹ, vai áo dài lam không là vai thôn mà là vai gầy, vai áo của Ba lại nô lên dáng xương xẩu như chứng tích của những năm tháng lưu đày, tù tội. Ba Mẹ đã ôm vai nhau khóc thật lâu trước những đôi mắt ngây thơ của ... "đàn con tám đứa" và khóc trong hương tình chung thủy của đôi vợ chồng từ thuở tấm mắt đến hồi gian nan, đoàn tụ.

Tôi quay lại, chợt thấy Ngoại Năm đứng đó tự lúc nào, đang kéo vạt áo lên, lau đôi mắt già nua ...



KHÉP LẠI NÚI RỪNG

"Con coi chừng em, mẹ đi ..." chỉ nói vồn vện ngàn ấy chữ trong nước mắt rồi mẹ tôi quảy gánh đi! Một gánh tình đầy ăm ắp, trông sao quá luộm thuộm thế này nhỉ !?

Dáng người khệ nệ ôm, tay xách, tay mang, khuôn mặt khắc khổ của lo toan bỗng trở nên già nua tột cùng chắc cũng động lòng Trời? Hai cái bao bố tời, một chiếc thùng giấy, hai giỏ đệm xách tay... thế mà Mẹ tôi đếm đi đếm lại không biết bao nhiêu lần trước khi rời

ngôi nhà! Duy nhất chỉ có mình Mẹ tôi biết trong ấy
đựng những gì ...

Những chiếc bánh nướng nhỏ, được gói vuông
vức bằng những miếng nylon không đều nhau, lại được
gói trong những trang báo nhật trình kỹ lưỡng, rồi cột
thun kỹ càng. Những miếng thịt vuông vức trong một hủ
nhựa đầy nước mắm và những quả trứng luộc nổi lều
bều. Tất cả được gài chặt xuống với nước mắm mặn, lại
những miếng nylon và nắp đậy buộc thun ... Nén hết nỗi
lòng chắt chiu trong mặn mà ...

Những con ruốc rang vàng thơm tốp mỡ, muối,
đường và lẫn cả những giọt nước mắt âm thầm rơi trong
đêm được nén trong những chai nhựa với kích thước
khác nhau, thế là thành một khối ruốc tùy theo hình dạng
của cái chai! Tình Yêu năm tháng đã ươm vàng con
ruốc, con tim người Vợ ... để mong được vừa khẩu vị
Chồng như ngày xưa ...

Năm bảy món ăn khác được chia đều từ một con
gà ! Bao nhiêu món ngon vật lạ mà thuở nào Vua ngự
thiện chắc cũng không bằng dăm ba miếng gà của món
Ragout, Cà ri, Rô Ti, gà kho sả ớt ... Người Vợ dường
như mãi mê sẫm soi với chia phần đã quên rằng người

Chồng bây giờ không còn đầy đủ răng để có thể gặm xương gà một cách ngon lành được! Thế nhưng, người Vợ đã chăm chút tỉ mỉ từng muỗng muối, gia vị như một người đang trở tài nấu ăn trong tháng ngày mới về làm vợ.

Những trang thư lại được lén lút mở ra đọc lại trong đêm khuya dưới ánh đèn dầu leo lét ... "Em làm cho anh món ... Em mua cho anh cái này ... đừng mua nhiều lắm, tốn tiền ..." . Trái tim tình thốn thức của ngày xưa khi hai người yêu nhau bây giờ cũng thốn thức vì phân chia đôi ngã. Người Vợ lặng lẽ làm hết tất cả những dặn dò trong những lá thư của một năm, hai năm trước từ những địa chỉ xa xăm và xa lạ nghe đâu tận miền Bắc. Cái sắt son thùy chung tị thuở nào ...

Thêm chút trà, chút cafe trong tận cùng nỗi nhớ, chắt chiu từng dùm trà ngon của bạn bè gửi quà biếu người tù tội, mỗi vị trà của từng người khác nhau thì không thể để chung với nhau một gói được ... như những ngõ ngách trong ngăn tim Yêu Chồng vậy. Gói nhè nhẹ kéo những lá trà khô sẽ vụn vặt, mất đi cái cong queo khô quăm của đợt trà non là tinh túy của một ly trà ngon

như sở thích của Chồng. Gói hết yêu thương của một người gửi đến một người xa vạn dặm đầu hương trà không là vị thuốc hồi sinh cứu tử người Chồng trong cơn đói nghệt ngã, nhưng "gô" trà sẽ hiện ra bóng người Vợ tần tảo như tích xưa Nàng hiện ra trong đáy cốc tình ...

Chút cafe của bằng hữu gửi nhau - rồi sẽ được pha bằng nước suối, nước sông lạ lắm và lạnh ngắt tình người ... Thôi thì ấm lòng người phương Nam lưu lạc đất Bắc như san xẻ, chia sót và an ủi người bị lưu đày. Gói hết hương thơm bằng hữu ấy trong hành lý để nhờ mai kia lội qua sông rộng, đắm mình dưới lũng sâu sẽ không làm ướt những tấm chân tình quý giá trao tặng . Hỡi nguồn nước từ núi cao, xin hãy xuôi giòng về với người khốn khó trong tù đày, để giòng nước trong sẽ nuôi dưỡng tấm thân ngày càng lụn bại, để ngum trà thơm sẽ đem lại chút hạnh phúc thâm tình chồng vợ, chút ân nghĩa bạn bè phương xa ... Đừng để giếng cạn khơi giòng chất chiu miếng nước đục ngầu mà đau lòng ngum trà buồn canh khuya. Hỡi sắt se của núi rừng Việt Bắc, xin hãy dừng lại cái khắc nghiệt của thời tiết như chút lòng nhân ban cho người trong lao lý khi hai tay gầy gò ôm "gô" nước trà nóng, miếng cafe ấm bỗng dung trở

lạnh vội vàng theo cơn rét buốt người . Ánh lửa tù có đem lại niềm hy vọng cho ngày thoát cùm gông không hay sẽ dần tàn theo đóm lửa nhỏ từ những thanh củi lượm mót góp nhặt?

Đây tấm áo may cho Chồng, từng đường kim mũi chỉ khâu đêm - nhớ lại hình bóng ngày Chồng ra đi, kích thước rộng hẹp từ vòng cổ, vai ngang, chiều dài thân áo và cả vòng tay từng đêm mặ nòng phu phụ ... Vải xưa mềm lòng cậu bé năm xưa mấn vú mẹ, đã kết nguyên trăm năm với tà áo cô dâu; bằng bao nhiêu năm theo gót Chồng, nay gót Vợ lặn lội vượt núi đồi nghìn trùng đem manh áo thô giữ ấm thân Chồng ...

Đường may có lẽ vụng về khi tuổi người Vợ không còn đôi mươi như xưa nữa, mắt nhá nhem cố chấp lại cho khít khao như đem ấm lạnh đến người sống trong núi đá nghìn trùng. Người Vợ vẫn còn những mấy mươi năm trong lời nguyện ước "Trăm Năm Giai Ngẫu " thuở nào, thế thì từng mũi kim đâm xé lòng để nguyện cầu người Chồng còn sống sót đợi ngày về đoàn tụ sẽ thấu được tấm lòng Ông Trên chăng?

Năm trước - lần đầu tiên gặp lại người Chồng - sau một tháng trời tìm được tông tích Chồng qua một địa

chỉ như là ẩn cốc (!) nơi rừng sâu, người Vợ thảng thốt khi nhìn thấy bộ quần áo rách bươm, vá víu của bộ đồ ngày ra đi, đến nỗi không còn nhận ra được đó chính là bộ đồ mình đã may ! Kim đâu, chỉ đâu Chồng vá áo? Trong bao cát ... Cây kim của người tù như là một dụng cụ của người tiền sử - chỉ cần đâm thủng một miếng vải thì được gọi là kim! Người xưa có câu ví von rằng: Có công mài sắt, có ngày nên kim. Quả đúng như vậy trong những trại tù ! Họ đã mài sắt thành kim để khâu khít lại những mảnh vải mục rách đã từng ngâm bùn, ngâm nước ướt rồi khô thành quần áo. Gọi là quần áo chứ không có một danh từ nào để đặt cho "những cái quần, cái áo" ấy, vì hễ miếng vải nào được phủ lên thân người thì được gọi là "quần áo" rồi! Càng nhiều vải để đắp lên thì càng đỡ lạnh, chỉ đỡ lạnh thôi chứ chưa được gọi là ấm đâu vì mặc vào rồi để trằm mình xuống nước lạnh thì làm sao mà ấm, thế nhưng trong đầu vẫn nghĩ "mình có áo", nhờ ướt rồi sẽ phơi khô được!

Lần ấy, người Vợ hỏi Chồng trong ghen ngào: **“Anh lạnh không?”** Nghe đặng lòng. Nghe cạn cùng thống khổ. Nghe xa xót trong âm vang ướn ghen. Và câu hỏi được trả lời bằng cái nắm tay len lén dưới gầm bàn ...

Mặt gỗ của bàn có lẽ cũng thấm đẫm nước mắt bao lần rồi, tay Chồng, tay Vợ có lẽ Đất Trời cũng chạnh lòng xót thương ... Lạy Trời cho lòng người đừng thành gỗ đá, nhưng gỗ đá nơi trại tù không còn là gỗ đá nữa, mà đã hóa thân thành người rồi, biết khóc, biết buồn, biết chia sẻ những giọt nước mắt oan khiên.

Ngày "thăm nuôi" người Chồng sao bỗng cạn lời và vồn vện một chữ "**EM**", để mãi sau mới nói được câu nói đầu tiên "**Em mệt không?**". Và câu nói thứ hai là "**Anh mặc lại chiếc áo ngày anh ra đi, dẫu nó đã trở thành một manh áo rách như thế này ...**". Người Vợ vẫn chưa nói được gì sau hai câu nói của người Chồng, chỉ cúi mặt khóc, rồi lấy tay chùi nước mắt vội vàng (vì có kẻ canh giữ tù ở hai bên đầu góc bàn "ngăn cấm" dòng lệ rơi!)

Không có vai kê vai, không còn những nụ cười hạnh phúc, không thấy những ánh mắt âu yếm của vợ chồng và cũng chẳng nghe được lời nói nào như đã định trước khi người Vợ bước chân vạm vỡ đường xa đi thăm chồng trong "tù cải tạo" được thốt ra!

Bao nhiêu điều suy nghĩ dần vặt canh thâu, bao nhiêu lo lắng cho sự sống chết của người bạn đời, phải nói là vạn cái bao nhiêu quấn quanh với năm tháng vắng bóng Chồng đã bỗng nhiên trở thành vô ngôn ... để câu nói đầu tiên của người Vợ lại là: **"Anh có bệnh không?"** Từ đâu trong tâm khảm đã hình thành câu nói ấy, phải chăng là nỗi ám ảnh những căn bệnh nơi rừng thiêng nước độc sẽ lấy đi mạng sống người Chồng được kể lại truyền miệng của những người cùng khổ - những người phụ nữ mà người đời vinh danh là "Cái Cò" cùng đi trên một quãng đường "tam tứ núi cũng trèo, thất bát sông cũng lội ..." để thăm Chồng?

Hai bàn tay gân guốc, khô đét, đen sạm của người Vợ cứ mãi sờ, nắn, thoa hai cánh tay Chồng qua mảnh áo một tay dài, một tay rách cụt nửa chừng ... **"Tay chân Anh có đau chỗ nào không ?"** . Như một bi kịch đầy nước mắt, đôi mắt người Chồng nhòa lệ theo đôi mắt người Vợ, theo từng câu nói của mệnh số dẫu bề đôi thay ... Không phải là màn kịch trên sân khấu mà là sự thật trước mắt mọi người - nơi chốn mà lẫn lộn người với nhân tính và người vô nhân tính! Không được khóc - một ngôn ngữ của Sa tăng dưới tầng địa ngục bỗng dung

trời lên mặt đất và được lập lại như một điệp ngữ thể hiện oai quyền!

Và từ lúc ấy trở đi, người Vợ và người Chồng dừng ngắn lệ đoanh tròn. Nuốt lệ vào lòng. Nuốt hận vào tim! Vì họ cần phải sống đấu cả hai đang rướm máu dưới chân Thánh Giá của quân dữ ...

Một chiếc áo len không cổ, không tay và một chiếc nón đan phủ gáy cũng là những món vượt đèo, vượt muôn ngàn cách trở đến đây. Chỉ mặc cho ấm cái ngực, chỉ phủ cho ấm đỉnh đầu- đó là hai điều suy nghĩ của người Vợ dành cho Chồng. Đơn giản không? Thưa không ạ... Vì người Vợ đã trần trọc từng đêm, rồi khóc khi không biết chồng mình phải làm cách nào để chịu được cái lạnh của núi rừng sâu thẳm. Xưa, đan áo len cho tình trong ngọt ngào, diễm phúc; nay, từng mũi kim đan là gói ghém bấy nhiêu tình nghĩa phu thê trong nghẹn ngào. Đan xong lại cân xem nặng bao nhiêu vì "người tù" đâu có được nhận quà với số lượng tự do. Cân hết ân tình nặng tạ thiên kim ấy... cũng đành thôi ! ***"Anh mặc vào đi để họ không nói anh đã nhận được nhiều "quà" quá và họ lấy bớt thức ăn của anh !"***

Chừng ấy thời gian nhìn nhau, ngần ấy giây phút

trong lệ đổ, bấy nhiêu câu nói được nói ra trong ghen ngào đã tiêu hết "những thời gian gặp mặt ". Chỉ còn 5 phút nữa - mệnh lệnh thoát ra từ cai ngục đã như một vết chém phụp trong khoảnh khắc ân huệ của “tù nhân” và gia đình - để dấu ngoặc kép nơi đây cũng bằng thừa vì ai là tù nhân nơi ấy? Không ai là tù nhân - như định nghĩa của tù nhân là một người phạm tội. Ai là cai ngục chốn này? Tất cả những dãy núi hoang trùng trùng điệp điệp, những ngọn đồi tiếp nối những ngọn đồi, những cánh rừng già dương như chưa từng có bước chân người đến, những loại cây cỏ chưa bao giờ thấy được, nhưng có thể làm chết người vì ngộ độc khi đói ăn, những con sông cạn sâu chỉ có Trời biết, dòng suối chảy xiết dâng ngập đến cổ và lạnh ngắt làm run rẩy thân tù ... và những con người lạnh như viên đạn giết người!

Cái đòn gánh xiên hai bao tải, hai cái túi đệm xách bây giờ bỗng nằm chơ vơ dưới nền đất khi mọi thứ được phơi bày ra dưới ánh mặt trời cú vạ: hủ lọ, gói to, gói nhỏ của thức ăn, quần áo, thuốc men và hai khuôn mặt hốc hác, thất thần, mắt đỏ hoe đợi một lời phán của nạ quý "Hết giờ thăm nuôi!"

Chính trong giây phút nghe câu nói đięng người ấy, người Vợ bỗng dung hốt hoảng tột cùng... Chồng mình sẽ biến mất trước mắt của mình... có thể sẽ không bao giờ được gặp lại sau khi nhìn dáng Chồng đi chậm chậm, không dám ngoái đầu nhìn lại, rồi khuất dần sau lán trại. Người Chồng không còn nói được gì nữa, với tay xoa nhẹ trên hai đầu vai của Vợ, rồi lặng lẽ quay gánh lằm lũi bước đi ... Bóng chiều nhòa nhạt và trời bắt đầu sẫm tối. Mọi người đi "thăm nuôi" lại hối hả quay ngược lại quăng đường mình đã đi qua cho kịp nghỉ đêm ở một góc nhà trọ, góc rừng thưa nào đó ...

Người Mẹ bây giờ mới ôm choàng đưa con trai đi theo mình vào lòng và khóc òa lên ...

Từ lúc bước chân ra khỏi nhà và nói với lại một câu: **"Con coi chừng em, Mẹ đi ..."**,tôi chỉ biết Mẹ tôi đi thăm Ba tôi thôi, chứ không biết đi đâu cả ngoài hai chữ **"Tận Bắc"** ! Đi bao nhiêu ngày cũng không biết, có về hay không tôi cũng không nghe Mẹ tôi nói nữa ... Cái khờ khạo của một đưa con nít, dẫu làm chị một bầy em 7 đưa thiệt ngốc nghếch làm sao ... Nhưng tôi biết sợ Mẹ tôi không về hay chết dọc đường! Rồi chợt nghĩ nếu Mẹ không về thì tôi cho em tôi uống thuốc rầy chết hết cùng

lượt!

Mỗi năm "*câu nói khép cửa*" ấy của Mẹ tôi lại trở về theo định kỳ vào thời gian gần Tết. Bước đi dặn dò con muôn ngàn chuyện: Coi chừng em chết đuối dưới kinh rạch, đừng để em lừa vịt chạy đồng quá xa, buổi chiều nhớ cột cửa cẩn thận - đến đây thì tôi phải mở ngoặc một chút cho cái chữ "cột cửa". Nhà lá ở quê thì cánh cửa được làm bằng lá chằm có nẹp bằng khung, tôi đến chỉ cần cột cái nẹp ấy vào góc cột nhà với một sợi dây dừa là đóng cửa!

Mỗi lần Mẹ đi hay Mẹ về ... đều như một người đàn bà nào rất đổi khác lạ. Cái khác lạ của thất hồn, thất thần, tâm trí đầu đầu, ốm thêm và thức khuya nhiều thêm, để rồi dần có quay lại với cuộc sống thường nhật, dường như người vẫn còn để hồn nơi núi rừng Việt Bắc với ba tôi. Lạ một điều là Mẹ tôi không nhuộm bệnh bao giờ !!! Cái sức mạnh thiêng liêng của Tình Mẫu Tử và Tình Chồng Vợ đã vực một thể xác gầy còm đứng vững để chống chèo với bão táp cho tay nách 8 đứa con và người chồng trong tù ngục. Rồi ngày qua ngày, tuần lễ này đến tuần lễ khác, tháng năm qua dần với những lo toan cơm áo và thắm thoát 13 năm trôi qua với những

ngày tháng nuôi chồng như một thời khóa biểu cố định, vì vậy, nếu cận Tết rồi mà Mẹ tôi nhìn lại góc nhà - nơi để hai cái bao tải định mệnh - chỉ lưng lửng bao thì giống như Mẹ tôi hao gầy thêm, xoay đi xoay lại chỉ muốn cắt xén đầu này, đầu nọ để có tiền mua quà để dành cho Ba tôi. Ăn gì, mặc gì ở nhà qua loa và qua bữa rồi cũng xong, cây cỏ ngoài vườn, ngoài ruộng, con cá ngoài sông lạch rồi sẽ lớn dần cho cái ăn ... Bao nhiêu món ngon - chỉ là dăm ba miếng thịt không có mỡ, thì đã là ngon lắm rồi - cắt dành lại cho vào hủ mắm, từng con cá của vó lưới được chùng gang tay là nỗi mừng hiện ra trên ánh mắt Mẹ ... Đây phần cho Chồng, đây phần cho con - còn Mẹ là phần Vui!

Khi Mẹ tôi đi Bắc lần thứ nhất, tôi ngỡ ngác lắm ... đến lần thứ hai thì chợt hiểu ra điều gì trong trách nhiệm của người chị cả ở nhà chăn bầy em! Đến những lần sau thì muốn đi theo Mẹ, nhưng rồi vẫn nghe lại câu nói quen thuộc: "*Con coi chừng em, Mẹ đi ...*" và từ đấy tôi khóc khi chợt hiểu tận tường nếu điều gì xảy ra cho Ba tôi và cho Mẹ tôi dẫu bấy giờ không còn là thời của chiến tranh tên bay lạc đạn nữa.

Ba vắng nhà, Mẹ tôi làm Mẹ và không có Mẹ ở nhà, tôi là Mẹ của bảy em! Nhưng đêm về thì tôi rất sợ ... cái sợ vô hình của một người chị gái có những đứa em gái trong nhà mà không có Ba Mẹ thật giàu tưởng tượng. Giữa chốn đồng không mông quạnh, lỡ một người đàn ông nào đó đập cánh cửa lá chằm để vào nhà thì quả thật là tôi chỉ biết khóc! Rồi em bệnh, rồi nắng mưa ngoài ruộng, bên đồng cạn, đồng sâu, tất cả đã làm tôi trở thành người thức khuya đến mòn mỏi rồi mới ngủ - chỉ để canh cửa không cho ai lên vào giữa khuya! Năm ấy tôi đã 19 tuổi đầu rồi sao mà còn khờ đến vậy!? Độ tuổi ấy tôi không còn ham chơi nữa, không có mơ ước nào hơn là được có Mẹ ở bên cạnh để tôi không thấp thỏm lo sợ từng đêm trong suốt hơn tháng trời Mẹ tôi đi "thăm nuôi" Ba tôi.

Tuy nói thế, nhưng tôi cũng "gan lì" trong một việc lảm ngợ ngĩnh: Đi chứng giấy "Thăm nuôi học tập cải tạo"! Cái chuỗi từ ngữ ấy lạ lẫm làm sao, nhưng nó là niềm vui của Mẹ Con tôi. "Tờ giấy phép" ấy ban đầu là một cực hình cho tôi khi phải thức dậy khuya lúc 3 giờ sáng, đi bộ hay đạp xe đạp lọc cọc qua hết mấy mảnh vườn trên những con đường mòn len lõi bên những bờ

ao, gốc chuối để đến văn phòng Xã. Người ta ký giấy phép cho Vợ đi thăm Chồng! Chuyện lạ trên thế gian nhưng đã xảy ra như chuyện bình thường. Đôi khi trăng còn treo lơ lửng giữa màn trời trong nửa đêm về sáng là tôi đã phải đi rồi vì bọn xã chỉ làm việc đúng 15 phút, không giờ giấc cố định, chúng chỉ ngồi chò hờ trên cái băng ghế gỗ hay ngồi tán dóc ngoài bụi chuối, lặn con đẩu trong túi ... Tôi mà không đi sớm thì sẽ thấy cái nhà trống không và phải đội nắng về nhà để ngày mai đi tiếp cho đến bao giờ có được mảnh giấy phép tắc ấy trong tay. Đó là phân nửa đoạn đường của người Nam thăm tù Bắc, vì nếu không có mảnh giấy ấy thì sẽ không ai mở cửa "địa ngục" cho mình vào!

Gánh đời, gánh tình trong một nỗi lòng quạnh hiu thế mà Mẹ tôi đã rất vững vàng, can đảm nữa là khác. Người phương Nam, kẻ trời Bắc - lẽ đời éo nhận thế nhưng nét xuân sắc thuở xưa vẫn còn - Mẹ tôi rất đẹp, nước da đen ngăm đen và hai má lúm đồng tiền đã làm Ba tôi thua cuộc! Bắt đầu từ cuộc phân ly, Mẹ tôi đã xếp lại những màu áo xưa một thời ... Rồi 5 năm trôi đi, 10 năm thoát đã bạc trắng tóc xanh thuở nào . Đôi lúc tôi đã tự hỏi chữ thủy chung bắt đầu từ đâu trong ý nghĩ của

Mẹ tôi để người vẫn còn giữ một kiểu tóc kể từ ngày lấy chồng vì người chồng yêu thích kiểu tóc ấy mãi cho đến khi nhắm mắt xuôi tay. Phải chăng bắt đầu từ một lời nguyện của duyên nợ trăm năm hay vì đàn con khờ dại? Kể từ đó mỗi lần cần "chứng giấy" trên xã, Mẹ tôi đứng đợi tôi ngoài bụi chuối, chứ không đi vào tận trong văn phòng xã, nơi có những người đàn ông của kẻ địch trạc tuổi Ba tôi ! Lúc ấy, tôi còn chưa hiểu điều ấy, nhưng chỉ thắc mắc tại sao, hai Mẹ con phải cùng đi với nhau, thay vì một mình Mẹ tôi đi là đủ rồi ... Mãi khi lớn lên một chút thì tôi mới hiểu ra ẩn ý của Mẹ ở đời ai biết được chữ "ngờ" , nên chẳng bao giờ lòng mình không an tâm mà lại bước chân vào ! Trên bước đường vạn dặm ra Bắc cũng vậy, lúc nào cũng có một đứa em trai của tôi đi theo cùng. Khổ cực nhất là thời gian đi buôn tuyến đường dài ... buôn lậu gạo, đường ... cũng lại dắt theo đứa con trai lớn nhất của Mẹ! Chữ sắc hương của một thời hương sắc đã tàn phai, nhưng vẫn còn nét chấm phá của nhan sắc đầu đầy ...

Rồi nhan sắc ấy làm lụi giữa dòng đời trong những buổi chợ sớm trưa, những sớm mai qua bắc trên giòng sông đầy lục bình ... nổi trôi bèo bọt, những

chiều hoàng hôn tắt nắng vội vã về với bầy con, Mẹ tôi đã hóa thân thành một Cái Cò lặn lội. Gánh gạo trong Ca dao tích xưa nay đã thành hiện thực. Để nuôi con - Mẹ tôi đã tảo tần buôn bán, bán tất cả những món gì được bày bán giữa chợ: Từ những con cá vó lưới, xúc tép, xúc mòng, dăm ba mớ rau xanh non mơn trong vườn nhà người, bó lá dứa, bó lá chuối khô, đến gánh com tấm, gánh xôi ... Cái bếp trong nhà đã trở thành "giang san" của người chị cả đóng vai người Mẹ và Mẹ tôi đã lặn lội với cái bếp ngoài chợ! Nồi niêu, song chảo, củi, lửa, chén, tô, đĩa từ trong bếp nhà đi theo cái đòn gánh với Mẹ tôi từ tờ mờ sáng đến khi chiều tắt nắng mới về ...

Bao nhiêu mưa nắng tháng ngày đã làm phai nhạt hương ấy - cũng đành! Nét mày vòng nguyệt của phần sơn nay đã chìm theo mệnh nước, thay vào đấy là dấu chân chim bắt đầu hằn lên khóe mắt. Bao nhiêu vụng về trong những bữa chợ đất, ế hàng rồi cũng qua đi ... chỉ còn lại tấm lòng vô biên của người Mẹ "Chạy Chợ Nuôi Con"! Mẹ tôi bán món gì, chúng tôi được ăn món ấy, có khi là đĩa com tấm nóng hổi đầu tiên, lắm lúc lại là miếng xôi khô khốc cuối cùng. Con nít mà, rồi cũng quên đi miếng ăn trong cái tuổi ngây thơ ấy! Gót chân

hồng của thời con gái Mẹ tôi đã nứt nẻ lần ngang dọc, bàn tay khô sạm nắng - Tinh Mẩu Tử cao vời quá, biết nói sao cho vừa, không ngôn từ nào đủ diễn đạt, chỉ có Trái Tim luân lưu giòng máu ấm sẽ bày tỏ được điều ấy chẳng ... để tôi có cảm tưởng rằng Mẹ tôi là người buông bất kể sinh nhai thật tuyệt vời ! Tựa như mỗi ngày trong đầu Mẹ tôi chỉ nghĩ đến việc: Làm sao có đủ tiền nuôi con !? Lũ con dại quá, chỉ biết ngồi nhà ngoan ngoãn chứ không phụ với Mẹ một tay được, đứa nhỏ nhất chỉ mới 6 tuổi mà, biết làm sao hơn? Có lẽ đã có những giọt nước mắt thắm trong những buổi chợ chiều ế ẩm, trong những lần gánh về nhà "số tiền lời hàng họ còn lại trong phần cơm ế " hay biết đâu những nỗi vui ngập tràn khi được trở về nhà sớm với con vì bán đắt . Bán hết hàng - xong gánh nợ trần ai của một ngày là Mẹ tôi quay về lại mái ấm của lũ chim há mỏ chờ mồi!

Ngày rồi qua, đêm về, cõi lòng vọng phu trong đêm trường lặng lẽ ngóng trông, hy vọng, khẩn cầu Ôn Trên mọi điều bình an cho Chồng. Anh sẽ phải về với Mẹ Con em vì em cần anh, con cần anh - xin hãy ráng sống để còn có Ngày Trở Về ... Xin hãy vì Con, vì Em ... Em chỉ có thể thay anh, một điểm tựa vững chắc, một

chốc lát thôi, chứ em không thể làm Ba thay anh mãi mãi được! Một chốc lát ấy đã là 13 năm trường ... ai có ngờ đâu ... Nếu ngày Ba tôi ra đi dặn rằng: Ba tôi đi chốc lát về thì chắc là lòng tôi sẽ nghĩ như thể là dăm ba bữa Ba tôi đi hành quân theo mấy bác, mấy chú trên đoàn công voa bụi mù trời!

Chuyện xưa, Người Vợ Vọng Phu hóa đá với núi non, tô điểm thêm cho giang sơn gấm vóc và minh họa nên câu thủy chung vẹn nguyên; chuyện nay, biết bao nhiêu tấm lòng Vọng Phu khi tàn cuộc binh đao? Phải chăng người phụ nữ là người mà Thượng Đế ban cho một đặc ân như là thiên chức - sinh những đứa con trai cho xã hội, dâng hiến con mình cho nước non trong thời chiến chinh, rồi ngóng Chồng, ngóng Con trở về suốt hết một quãng đời xuân sắc? Dường như điều bất công ấy chỉ có thể trao cho phận liễu yếu gánh vác? Bởi vì họ chịu đựng hai chữ "Gánh Gông" bằng trái tim của riêng mình.

Mẹ tôi đã "làm Ba", làm người kiếm tiền ngoài xã hội nuôi gia đình như ngày Ba tôi còn ở nhà. Tấm áo, miếng bánh cho con đã là niềm vui hàng ngày của Mẹ tôi khi nhìn thấy chúng tôi xúm xít nhau khen ngon đáo để -

thời buổi miếng thịt nạc chút mỡ còn sót lại bên cạnh cọng sườn heo già hay cái đầu tôm xuất khẩu không được đã là những món ăn thèm thuồng của lũ trẻ! Tôi biết Mẹ tôi khóc khi ngồi ướp thịt sườn nướng cho khách bên gánh cơm tấm, vì trong lòng nghĩ con mình gặm xương sườn mà chúng còn mừng đến chừng đó ... nên Mẹ đã ướp gia vị cho những cọng sườn thật ngon tuyệt. Thơm và quyến rũ như thịt sườn thật sự! Chúng tôi mút mút cái mằn mằn của muối đường, hành tiêu băm cọng sườn rồi lùa cơm ngon lành ... Còn Mẹ tôi ăn gì ấy hả? Miếng cơm cháy dưới đáy nồi cơm tấm trước khi quay gánh về nhà ... Mẹ ăn cơm no rồi, các con ăn đi! Một chữ NO đoạn trường, Mẹ ơi

Ngày mưa, chiếc nón lá và manh áo tôi sũng nước, nhưng gánh cơm ráo hoảnh, rồi Mẹ đặt gánh xuống lề đường khẩn Trời "Xin cơn mưa nguôi tạnh cho con bán hết gánh cơm nuôi con". Ngày nắng, lại lạy Trời cho ông bớt nắng để miếng thịt nướng của Mẹ không khô - Trời cũng chiều lòng Mẹ vô cùng, khách ghé ăn cơm sáng điểm tâm, rồi mua về cho cơm trưa vì thương Mẹ, thương bóng nắng trên đỉnh đầu Mẹ, thương giọt mưa trút xuống bàn ghế khách ngồi ăn và Mẹ vội vàng

lau khô vì sợ khách bỏ đi (chứ ai lại ăn cơm tấm cho hai buổi như thế bao giờ !) . Nụ cười má lúm đồng tiền của ngày xưa thời con gái và của một thời làm vợ nay trao lại cho người đời thay cho lời cảm ơn khi nhận tiền từ khách mua cơm.

Ngồi trên bàn ghé với gánh cơm xong Mẹ tôi lại có lúc ngồi bệt dưới đất với từng chiếc bánh bông lan làm tại chợ! Thế là cà ràng, ông Táo, than và khuôn bánh lại bôn ba theo mệnh người. Chiếc bánh vàng ươm hay khét lẹt là tất cả nỗi buồn vui hàng ngày của Mẹ con tôi - nhất là những lúc khách mua đến đặt hàng cho quả bánh cưới vào độ cuối năm. Một quả bánh cưới ở nhà quê có thể sắp chừng chục bánh thuẫn hay 40 bánh bông lan nhỏ. Họ đến đặt quả bánh rồi quày ra chợ đi mua sắm và trở lại nhận quả. Bao nhiêu ngày tốt lành trong tháng Mẹ tôi đều lật lịch Tam Tông Miếu xem trước cả ! Bao nhiêu đám hỏi, đám cưới trong vùng Mẹ tôi đều đoán trúng phóc. "Hôm nay sẽ bán đắt" và chuẩn bị mọi thứ sẵn sàng tươm tất để chạy đua với những con đò sang sông từ khách hàng đặt quả bánh. Đò chạy là khách chạy theo đò và Mẹ con tôi chạy theo khách để hỏi "ông Táo" nướng bánh cho giỏi! Tội nghiệp ông Táo bằng than chứ

đâu phải bằng điện đâu mà hồi ... và cũng thấy thương cho hai cánh tay đánh trứng, bỏ đường, bỏ bột cho khéo từ 5 giờ sáng đến chiều tối. Thời ấy, chiếc máy đánh trứng là một món hàng xa xỉ phẩm, nên người làm bánh đều làm bằng tay hết cả.

Một đứa con gái như tôi chỉ giỏi nhảy dây, nhảy cò cò, chơi u mọi ... thì chuyện làm bánh nghe như "huyền thoại"! Ấy thế mà, tôi là người đánh trứng và Mẹ tôi là người nướng bánh đấy. Mỗi ngày đánh chừng 200 cái trứng vịt, ông Táo cũng phát sợ cho cái lò nóng hực than từ sáng sớm đến khi Mẹ con tôi dọn hàng. Con gái người ta "17 tuổi bẻ gãy sừng trâu" ở đâu không biết, còn ở tuổi 17 của tôi đánh nổi được chừng ấy trứng đã là một kỳ công hiển hách lắm rồi. Miếng com, manh áo và nhất là tình thương Mẹ đã dạy tôi biết phải làm sao để phụ Mẹ - biết cách chọn trứng mới qua cách nhìn trứng dưới ánh sáng mặt trời và mua trứng to qua nắm tay của tôi, chọn bột mì xốp (nắm một nắm bột trong tay, rồi buông ra bất ngờ, nếu bột rơi lả tả xuống là bột tốt, còn bột dễ dặt hay dính lại trong tay là bột bị pha bột xấu), nhen lửa than sao cho nhanh và vừa đủ một khuôn bánh! Nói dễ đấy, nhưng làm thì như thể là làm bài thi trong

trường học! Tôi đã rời trường học để bước xuống trường đời (chứ không phải bước ra trường đời), nên mọi thứ đều học nên từ thất bại mà thành - dấu sao bên cạnh tôi, tôi còn có Mẹ trong lăn lộn giữa cơm áo chợ đời.

Nơi người một phụ nữ luống tuổi, làn da nơi cổ và bàn tay xác định được nét thời gian đi qua cuộc đời người phụ nữ ấy - hai điều này không thể dấu hay xóa đi bằng mỹ phẩm được, dấu chân chim nơi đuôi mắt thì mỹ phẩm có thể xóa đi chút đỉnh). Bàn tay của Mẹ tôi hẳn rõ nét nhất với những đường gân của bung, xách, gánh, gồng khi da tay đã được "nung" dần với nhiệt độ nóng mỗi ngày một chút, từ bữa cơm cho hạnh phúc gia đình đến việc buôn gánh bán bung, mọi thứ của cái trần trụi nắng mưa. Xưa trong dòng sữa ấm của Mẹ, Mẹ ôm con và cho con bú no đủ rồi con khôn lớn; nay giữa giòng đời, Mẹ ôm con đại bằng hai bàn tay gân guốc, đen sạm ấy cho con trẻ cảm thấy yên lòng "Có Mẹ bên con".

Mấy Mẹ con tôi lặng lẽ sống bên mái nhà tranh giữa đồng không mông quạnh, quanh quẩn với dòng kinh nước lớn nước ròng, cái lặng lẽ đến độ không cần biết đến ngày tháng, mà chỉ biết mặt trời mọc lặn. Chị em tôi quên bẵng đi cái thời khoá biểu của ngày hai buổi cấp

sách đến trường, thay vào đó là thời khoá biểu của mùa lúa trổ đòng đòng, lúa chín và mùa gặt. Nhà quê - đó là một danh từ mỹ miều trong sách vở, nhưng thực tế lại là những ngày nắng đổ trên lưng áo người suốt từ sáng sớm đến sẩm tối. Ngày tháng chạy chợ xen lẫn với công việc đồng áng đã biến cái gia đình nhỏ của chúng tôi thành những dân quê chính cống! Đầu đội nón lá rách, chân trần với màu vàng quánh của nước phèn đóng bợn móng chân, kẻ chân. Cái "đài các" học trò thuở xưa chắc cũng ngẩn ngơ cho điều dâu bể đổi thay ấy?! Dĩ nhiên là tôi nhớ chữ nghĩa trường lớp thầy bạn lắm chứ vì mới hôm trước làm học trò, hôm sau đã quẳng sách vở vào góc nhà; buổi sáng thay vì cắp sách đến trường, nay quay gánh hàng ra chợ hay gánh mạ ra đồng cho thợ cấy ...cái ngòi lãng mạn ngắm cánh đồng mạ xanh rờn bước ra từ trong sách vở hoá thành cái ngã lưng cho đỡ mệt trên bờ đê ruộng mạ, còn tâm trí đâu mà "thường ngoạn" làn gió khẽ đùa với sóng mạ nữa!

Màu áo trắng học trò đã hoá áo vải nâu đồng ruộng với chân lấm tay bùn ...tôi đã khóc thầm trong mỗi lần nhớ đến ngày tựu trường vào tháng 9 có mưa bay lát phát, thế là tôi đi tìm lại sách vở xưa qua những buổi tối

dạy học cho em - 7 đứa học trò trong tay người chị cả đã làm tôi bối rối khi chợt nghĩ không biết dạy chúng nó cái gì để đừng bị đốt chữ !!! Tôi vừa xong Tú tài II năm trước đó, thế nhưng tôi chỉ làm học trò chứ có bao giờ biết làm cô giáo thế nào đâu! Thế mà Mẹ tôi bảo: Con dạy em học đi kẻo chúng nó đốt, thằng nhỏ nhất 8 tuổi chưa viết được một câu tiếng Việt nên thân nữa đấy! Ừ thì tôi thay Mẹ tôi dạy em học: Tất cả đều phải học hai môn "tập viết" và toán cộng trừ nhân chia! Bao nhiêu bài học thuộc lòng của Kim văn, Cổ văn mà tôi nhớ lờm bõm đều được tôi đọc thành chính tả cho lũ nhóc. Có ai biết tôi nhớ không đúng đâu ... Mấy đứa em viết xong thì lại học thuộc lòng và trả bài cho tôi - những bài văn của quyển sách Tâm Hồn Cao Thượng, của nhà văn Thanh Tịnh, những đoạn văn của Tự Lực văn đoàn đã thành giáo án của tôi. Mẹ tôi giao toàn quyền cho tôi dạy chữ cho các em và oai nghiêm như Ba tôi dạy con trong 4 năm ở cái chòi lá nhà quê ấy, để mãi mấy chục năm sau tức là bây giờ, lũ em tôi vẫn còn thuộc những bài tập viết hàng đêm bên cái đèn hột vịt leo lét dầu đứa em út của tôi khi rời trường mà đi chỉ mới học lớp Tư thì làm sao hiểu được cái hồn của đoạn văn " *Hàng năm, cứ vào*

*cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm mơn man của buổi tựu trường. Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng. Những ý tưởng ấy, tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đi đến trường, lòng tôi lại tưng bừng rộn rã. Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và đầy gió lạnh. Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này, tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tôi tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học ... **TÔI ĐI HỌC của THANH TỊNH**".*

Sách vở, chữ nghĩa và bốn phận làm cô giáo bắt đầu của tôi đã làm tôi ngơ ngái ngoài nỗi nhớ học trò, nỗi hốt hoảng khi rời xa trường lớp và nỗi kinh hoàng khi rời xa thành phố khi chạy loạn. Lắm lúc mông lung ngó trời đêm muôn vàn ánh sao ngoài đồng qua phen vách lá, nhìn lại bầy em vô tư, nhẩn nhịu mà, bặm môi làm một

bài toán chia mà tôi ghen ngào - tuổi của em đâu phải học dưới ánh đèn mờ mờ của đèn dầu như thế này đâu, em phải được vui chơi bên bạn bè và khoanh tay ngoan ngoãn trả bài trong lớp học với thầy cô. Cóc nhái ễnh ương kêu òm ộp ngoài kia bỗng dung trở thành bạn bè thân quen hàng đêm của chúng nó, để mỗi lần nghe cóc nhái kêu là đảm em tôi biết đến "giờ vào học"!!! Ôi tiếng trống trường thiêng liêng của tuổi học trò ngây ngô đã biến mất trong tâm hồn non dại của chúng một cách tội tình. Những ngón tay bần bi, những bàn tay lúi húi với chuyện đá dế trong chiếc hộp quẹt, những bàn tay loay hoay với đĩa banh chuyền giờ thì ngày làm cỏ ruộng, bung thúng vê lúa, đêm lại mím môi giữ chặt chiếc cây bút Bi nắn nét chép lời dạy làm người, viết câu học chuyện hay lẽ phải ... Tôi bỗng thấy mình "lớn ra", nhưng lại lo thêm vì không biết dạy hết những bài văn, thơ mà tôi thuộc từ những năm học Trung học rồi thì dạy cái gì nữa ?! Riêng lũ nhỏ thì lại thích học hơn vì học đỡ cực hơn làm ruộng ... Tôi đã "ban lệnh": Ban ngày 3 đứa nhỏ nhất nếu không muốn ra ruộng, thì ngồi học! Chúng nó nhanh nhẩu chịu học vì học còn có thì giờ "nghỉ giải

lao", còn đứng đội nắng, đội mưa ngoài đồng thì hết được chạy rong.

Quả thật, đến lúc tôi không còn bài nào để đọc chính tả cho lũ em nữa thật rồi ... tôi bèn quay qua những gánh ve chai (!) để mua lại sách cũ hay nói đúng hơn là mượn sách của những người bán ve chai trong buổi chợ tan tầm. Những ngày tháng ấy đồng tiền như là của gia bảo, ít ai dám cầm tiền ra mua món gì ngoại trừ những món thật cần thiết. Tôi bèn năn nỉ những bà bán ve chai cho tôi mượn sách - chỉ một cuốn cho từng ngày - đọc xong cuốn ấy thì đổi cuốn khác! Mượn về tôi chép lại những bài hay, những đoạn văn tôi thích để dạy em. Sách thánh hiền nằm ngổn ngang trong đôi quang gánh bằng kẽm thông dong khắp phố chợ, kể cả những quyển sách bìa gáy vàng hay chữ ký đề tặng của những bậc thức giả! Chắc tác giả mà thấy được thì ghen ngào lắm! Tôi ngẫu nhiên đọc chữ người xưa mà có một thời tôi đã đọc qua, nay nhìn lại "Cổ nhân" mà tức tưởi cho cái tủ sách yêu quý của tôi đã tan tành theo chiến cuộc - tiền mua sách là tiền lì xì của tôi vào những ngày Tết từ thuở tôi học lớp Đệ Ngũ, những 4 năm gần gũi với đam mê sách ... Nỗi buồn của tôi thật sâu thẳm vì lòng tôi chạnh

nghĩ chắc là mình không bao giờ còn được cấp sách đến trường nữa rồi, rồi Ba Mẹ tôi sẽ Bắc Nam chia lìa và quay cuồng mãi trong cơn áo như thế này sao, rồi lũ nhóc chúng tôi lại miệt mài với ruộng, vườn, kinh rạch, giòng sông nước lớn nước ròng mãi à ?! Ý tưởng tôi ít nhất muốn thoát ra vòng lẩn quẩn ấy vì tôi đang bắt đầu biết mơ ước cho tuổi thanh xuân của tôi - những áng mây thiên thanh kỳ diệu của tuổi mới lớn lúc nào cũng đầy tưởng tượng như ống kính vạn hoa và từ đó cuộc sống của riêng tôi đắm mình lại với mớ sách ngọc trong gánh ve chai dạo rong khắp nơi để tôi chỉ nhìn thoáng qua đôi gánh là tôi biết loại sách gì tôi cần dấu chỉ nhìn qua gáy sách từ xa! 20, 30 năm thậm chí có những sách quý của trăm năm trước nay cũng trong cơn lốc xoáy của bão đời loạn ly huông hồ gì cuộc đời nhỏ bé của tôi. Thôi thì dừng lại chốc lát để nhìn lại kiến thức từ sách vở mà mình đã học được để thực hành, để vực chính mình đứng dậy trong cơn dâu bể này. Và mỗi ngày tôi nói chuyện với sách vở thay vì nói chuyện với sông nước, bờ nương, bờ ruộng, bày vịt, đồng lúa lặng câm. Cái tuổi mộng mơ của tôi đã đi qua như thế đây, thật đơn giản nhưng lòng chẳng bình an chút nào. Dòng phù sa rồi có

lúc sẽ lắng và tấp vào bờ bên bồi, còn ý nghĩ trong tôi dường như không lắng lại được như thế mà nó dừng lại bên bờ lở làm khuyết dần khuyết mòn những năm tháng tròn trịa ước mơ. Một mái gia đình sum họp bình thường, một môi trường thầy bạn quen thuộc, một tương lai ấm áp nổi náo nức, rộn ràng bổng dung bay bổng lên trời ... Tôi bị chôn chân dưới mảnh đất phèn vàng quánh ngoài những ô ruộng vuông xanh mướt để màu lúa chín là nguồn hạnh phúc của những người làm ruộng lại là nỗi ám ảnh khôn nguôi cho tôi " Tôi không thể ở chốn này mãi mãi ! " . Có lẽ Ba tôi cũng đã nghĩ một điều như vậy " Tôi không thể sống ở núi rừng biệt tăm thế này cho đến khi tôi nằm xuống! " .

Chiếc áo của người vợ hiền và đảm đang chỉ là chiếc áo sòn vai, cũ và phai sắc màu, nhưng chính chiếc áo ấy của Mẹ tôi đã từng chia sẻ với Chồng trong manh áo tả toai rách nát của vòng "tù tội" . Chiếc đòn gánh của thúng xôi, gánh lúa vì mưu kế sinh nhai đã từng nhớ đến những cây đòn tre, thường luông làm đòn gánh "quả thức ăn" đi vào cổng trại tù . Những món quà trao nhau trong những giây phút hội ngộ đầy nước mắt là chiếc lược nhôm chải tóc hay những hộp gỗ đẽo gọt bằng tay theo

năm tháng có khắc tên Ba Mẹ tôi. Không có nỗi nhớ nào đau khổ cho bằng nỗi nhớ trong xa cách nghìn trùng. Những lá thư của lũ con được Mẹ đọc cho viết sau thời gian vất vả với cây lúa, ngọn cỏ trong vườn, mương sinh, bầy vịt chạy rong được dầm dúi trao tay như liều thuốc hồi sinh cho người tận cùng tuyệt vọng, khốn khổ . Hạt muối, gói đường, miếng thịt, miếng ruốc ... dẫu diêm tận mãi bìa rừng thăm thẳm những 13 năm ròng rã ! Thế nhưng không một ai đã bó tay đầu hàng cho sự nghiệt ngã ấy, bởi vì ngày ra đi là một điều nghịch lý, oan khuất, nên mọi người đã ráng bơi ngược dòng trong cơn sóng dữ để có ngày nhìn lại nhau trong buổi đoàn viên. Cái sức mạnh nào đã làm nên điều ấy thì chỉ có Thượng Đế biết, nhưng cái tia mỏng manh hội ngộ chưa bao giờ tắt ngúm trong lòng Ba tôi và có lẽ trong lòng tất cả những "người tù cải tạo". Nó ngấm ngấm và bùng sáng lên như con cú của ruộng đồng, chỉ cần một hơi thổi là phùng lên ngọn đuốc trong đêm.

Ly trà ấm đã lắng lại giọt thanh tao như năm tháng đời người qua đi, còn lại là tấm lòng của thủy chung son sắt, tấm lòng Cái Cò Lặn Lội, tấm lòng Mẹ gà ôm đàn gà con núp dưới cánh Mẹ trong mưa bão ... Con

cảm phục Ba đã vượt qua để sống sót trở về từ những địa danh của núi rừng Việt Bắc. Con cảm tạ ơn Mẹ đã sống còn và vượt cạn cùng Ba để cứu mang đàn con dại trong đôi bàn tay gầy guộc, xương xẩu của Mẹ ... Ngày rời chốn tù ngục ấy, Ba đã khép lại núi rừng vĩnh viễn, không còn cánh cổng nào để Mẹ khóc khi rời xa Ba khi người quay lưng đi mà khóc thầm.

Hỡi rừng thiêng nước độc, xin trả lại núi rừng những giọt nước mắt khổ đau của kiếp tù cũng như xin nguyện cầu muôn vạn số phận người không may đã không còn đường rời xa chốn ấy, sẽ theo mây trời về lại chốn cũ lúc ra đi mà đoàn tụ với những người thân thương.

(Viết cho một phần đời Mẹ trong ngày tháng của những năm 75-79)

BÁNH ĐẬU NGŨ CỐC

Rất may mắn, gia đình chúng tôi sau những năm tháng chiến tranh mất mát vẫn còn đầy đủ một người mẹ gồng gánh, một người cha vắng nhà và 8 đứa con nít. Mỗi lần Tết đến, chúng tôi lại thấy mẹ chúng tôi loay hoay với việc mua các thứ đậu ngũ cốc về, ngồi tỉ mỉ lượm từng hạt sạn còn sót trong những hạt đậu bé tí xíu ấy, vo thật sạch, phơi nắng cho ráo và rang chúng trên lửa riu riu. Chúng tôi thấy làm lạ lắm vì từ thuở bé đến giờ, chúng tôi được ăn Tết với tất cả những món bánh mứt do mẹ chúng tôi làm, nhưng chưa bao giờ có món bánh này hết cả.

Gần Tết, có lẽ trong số các bà nội trợ của vùng tôi ở không có ai rành về những gian hàng chạp phô bán các loại đậu bằng mẹ tôi! Người đã rao quanh hết các sạp hàng để tìm cho được loại đậu ngon vừa ý. Tôi thì thấy hạt đậu nào cũng giống hạt đậu nào, miễn là nó xanh mướt, đen thui, đo đờ tùy theo loại đậu mà thôi. Và khi bỏ vào miệng cắn thử một hạt nghe tiếng - cóc - dòn rụm là được, có nghĩa là hạt đậu đã được phơi khô kỹ lưỡng dưới ánh nắng mặt trời chứ không bị mắc mưa rồi phải sấy khô.

Nếu nó được gọi là bánh, thì tôi không đồng ý chút nào hết, nhưng chẳng biết nó sẽ được gọi là gì khi vật liệu được làm bằng bột ngũ cốc, nhào với đường và mật ong, ép vào khuôn rồi nướng lên, nhưng cuối cùng chiếc bánh thật là khô khốc và cứng ngắt (chứ không mềm như những chiếc bánh làm bằng đậu xanh - là loại bánh khi ngậm vào thì cảm giác mịn tan dần ngọt lịm dưới lưỡi). Dường như chưa bao giờ có ai làm ra hay nghĩ ra một loại bánh như thế hết cả, duy chỉ có mẹ tôi!

Những chiếc bánh ngũ cốc ấy phát xuất từ trái tim thương yêu chồng. Nó đã vượt ngàn trùng, trèo đèo,

lội suối, băng rừng đi theo mẹ tôi để đến với ba tôi, người đã đi học tập cải tạo ở những trại tù không có địa chỉ mà chỉ có một tên gọi như là một bí danh vì chúng thường có những chữ viết tắt A, B, C hay con số đi kèm theo tên gọi của nó.

Tôi là người chị cả trong tất cả 8 anh chị em, tôi cảm thấy dường như mẹ tôi nhìn thấy hình ảnh của ba tôi khi mua về từng ký đậu khô và khoe rằng: Đậu mới hái, không hôi mốc, đậu hạt lớn, đậu xanh lòng đỏ bùi và bở ... ngon và bở lắm. Mẹ tôi đã chăm chút từng bịch đậu xanh, đậu đỏ, đậu đen, đậu trắng, đậu ván như thể người đã mua được một vật gì đó quý giá lắm. Mẹ dành ... một tay mẹ rang đậu, chứ không để chúng tôi rang vì sợ chúng tôi rang không khéo sẽ bị quá vàng thì hết chất bỏ đi hay còn hơi sống thì ba chúng tôi ăn sẽ bị đau bụng, để một tay mẹ lựa sạn còn sót lại trong đậu, một mình mẹ xay đậu nhuyễn và mịn, dường như mẹ không tin rằng những đứa con gái của mẹ cũng biết làm những công việc cón con như thế được.

Tôi sẽ nói sơ qua về cái lò nướng bánh bằng thiếc và hình vuông ngộ nghĩnh ấy một chút. Nó đã theo mẹ

tôi suốt quãng đời kiếm tiền tần tảo nuôi chồng trong tù và nuôi 8 đứa con sau năm 1975 vì tất cả những món bánh mẹ tôi làm ra bán để kiếm tiền đều phải đi qua chiếc lò nướng bánh ấy hết cả. Giá tiền mua cái lò nướng bánh ấy bao nhiêu thì bọn con nít chúng tôi không biết được, nhưng chỉ thấy rằng sau mỗi lần nướng bánh xong, thì nó được ngòì chễm chệ trên 4 viên gạch lỗ xây nhà màu đỏ đỏ để nền đất ẩm của cái chòi tranh - là chỗ ở của gia đình chúng tôi- không làm rỉ sét cái thùng nhôm quý báu hái ra tiền ấy.

Bốn viên gạch ấy đã là những vị khách đặc biệt của chúng tôi, vì làm gì mà kiếm được 4 viên gạch ngói đỏ chói trong một căn nhà nền đất lợp lá dừa nước, vách cũng làm bằng lá dừa nước, cửa sổ và cửa cái của căn nhà được làm bằng phen tre đan và dùng sợi dây như sợi dây cột trâu ngoài đồng để cột cửa như thế là then cài cửa đóng!

Căn nhà đã che nắng cho chúng tôi, nhưng đã không che mưa và không che bóng trắng ngà được.... Mùa mưa đến chúng tôi đội nón lá trong nhà và cũng lấy nón lá đội cho cái thùng nướng bánh ấy nữa (để nước

mưa không làm rỉ sét nó). Những đêm trăng tròn thì kẻ lá của vách nhà bị chúng tôi lén moi thêm lỗ cho rộng thêm ra để nằm ngủ ngắm trăng qua bờ mương, bờ chuối, hàng dừa của xóm giềng!

Mỗi khi nướng bánh, cái nhiệt độ cần thiết cho mỗi loại bánh được mẹ tôi đo bằng kinh nghiệm dày dặn của một người thợ nướng bánh lâu năm, chỉ cần đưa bàn tay vào lò là mẹ tôi biết độ nóng vừa đủ để nướng từng loại bánh (vì mỗi loại bánh cần một độ nóng ban đầu khác nhau, chỉ có đến lúc bánh đã chín bột rồi thì tất cả mọi loại bánh đều phải bớt lửa nhỏ xuống để cho vàng mặt bánh mà không làm khô ruột bánh đi).

Khi còn nhỏ, mỗi lần nhìn thấy bàn tay gân guốc của mẹ tôi đưa vào lò nướng bánh để đo nhiệt độ, tôi đã ngây thơ nghĩ rằng có lẽ vì những đường gân nổi lên như vậy cho nên mẹ tôi đã đo được chính xác hơn bàn tay con nít chúng tôi! Nhưng đến khi lớn lên, tôi mới hiểu đó là những đường gân của một đời lặn lội, vất vả...

Có ai đó định nghĩa được hai chữ Tân Tảo của một người đàn bà một cách đầy đủ không? Tôi nghĩ rằng

không. Mỗi người mẹ đi trên một con đường tàn tảo riêng của mình, nhưng nó vẫn là con đường của những xoay trở và chịu đựng trong trăm ngàn nẻo đường cay đắng. Tất cả vẻ đẹp và bình an trong cuộc sống được tạo nên do sức mạnh từ tình yêu của người phụ nữ cho mái ấm gia đình - đó là định nghĩa của riêng tôi về hai chữ Tàn Tảo.

Sau cái lò nướng bánh phải kể đến ông Táo để nướng bánh đậu ngũ cốc! Thôi thì, những ông Táo ở nhà quê đã từng làm khổ chúng tôi biết bao nhiêu, bởi vì chúng tôi là những người sống ở thành thị, thế rồi gặp thời buổi nhiễu loạn, nên đã trôi giạt về đây sống ẩn mình dưới rặng tre làng, nhánh lúa trĩu nặng ngậm sữa dòng dòng ngọt lịm và với những tấm lòng, trái tim chân thật như củ khoai, cục đất thì làm sao chúng tôi có thể biết hết được những sinh hoạt và cách sống như dân quê ở ruộng đồng, vườn tược.

Củ lá dừa - Cái tên của bó lá dừa ấy cũng ngộ nghĩnh như tên một đứa con trai hay con gái ở nhà quê: Con Củi. Làm sao để bó một nắm lá dừa vừa đủ chặt vì bó lá dừa mà lỏng quá hay chặt sẽ làm ngọn lửa bị tắt

ngúm trong khi nấu. Dùng một cái ống bằng đồng để chông khu thổi lửa thì mới thấy thấm thía hai chữ thổi bếp nấu cơm. Miệng thì vừa thổi, mắt thì nhắm tít lại để bụi tro của lá dừa không bay vào mắt - có khi chúng tôi thổi không khéo, thì bị khói cay bay ngược trở lại đến phát khóc! Ai đánh con cúi giòi thì nồi cơm nấu sẽ mau chín vì lửa đều và không phải ngồi thổi lửa hoài. Riêng tôi, dĩ nhiên là đánh con cúi chẳng bao giờ giòi rồi vì mỗi lần ngọn lửa sắp tắt ngúm trong bếp là tôi đã tháo tung bó lá dừa ra để ngồi chụm từng cọng lá dừa để giữ lửa cho chắc ăn! Do đó, khi bó lá dừa, tôi chẳng cần để ý là nên bó làm sao để thành con cúi hoàn hảo nữa vì trước sau gì tôi cũng tháo tung nó ra từng cọng lá mà.

Một nguồn nhiên liệu khác nữa được chúng tôi sử dụng để nấu bếp là dùng những bẹ dừa phơi khô. Trời sinh ra cây dừa có lẽ là kiếp mặt vận hay sao ấy, để con người sử dụng chúng hết tất cả từ gốc đến ngọn, từ cây, trái đến hoa, từ khi nó còn sống đến khi nó bị đốn ngã đi. Không bỏ sót một mảnh nào nơi cái thân gầy guộc thẳng đứng sông đuột nhưng ngạo nghễ ấy cho đến cái rễ nằm sâu dưới đất. Cái gánh củi bẹ dừa đã từng oằn vai tôi đi

hết những bờ nương quanh co trong những khu vườn đầy cây trái, hàng dừa, hàng chuối để về được đến sân phơi củi. Lại còn phải chặt những bẹ dừa ấy thành những khúc củi ngắn ngắn như ... những khúc đời may rủi của chúng tôi!

Khúc đời may mắn giống như là những khúc củi trời cho ngay thẳng và khúc củi cong queo giống như là ngày tháng chúng tôi đi vòng vòng với gánh củi, đi mãi vẫn không đến được ước mơ giản dị mà mình ao ước: đừng phải gánh củi nữa, sẽ có than hồng trên bếp lửa như những năm tháng trước đó. Khổ nhất là vào những ngày mưa, những bẹ dừa bị đắm nước mưa nên trĩu nặng vai chúng tôi hơn đi qua bờ nương, bờ đê trơn trượt và phải cần thời gian phơi lâu hơn thì mới có củi để chụm. Có lần, tôi đã trượt chân té và cả gánh củi đã trôi bèo bồng theo dòng nước của con nương cạn. Tôi đứng nhìn những bẹ dừa trôi mà lòng buồn vô hạn rồi đứng khóc ngon lànhchẳng buồn vớt chúng lên ! Những khúc bẹ dừa đã đắm nước mưa, nay đắm thêm nước sông và có lẽ trong hồn chúng đắm thêm nước mắt của tôi nữa thì cũng đành trôi theo số kiếp vậy thôi

Kế đến là *cái bếp trấu*. Lại thêm một cái tên mới nữa của ông Táo ở nhà quê, cái tên mà trong sách vở học trò của tôi chẳng bao giờ biết đến, nhưng tôi đã phải học cách dụng lò trấu (dường như nó là từ ngữ của văn nói chứ không phải là của văn viết) .

Tôi đã ngòi ngắm cái kỳ công lần đầu tiên của tôi dụng được một lò trấu từ những vỏ trấu vàng, nham nhám, vỡ đôi sau khi xây thóc thành gạo. Phải dụng lò trấu làm sao cho trấu đứng bao quanh như cái bờ thành trong cái khuôn một cách dễ dặt. Chỉ Lạ Trời khi ngọn lửa đầu tiên bắt trấu trong lò rồi thì sẽ cháy theo cái khuôn trấu ấy, nếu không thì những vỏ trấu sẽ đổ xuống hết như một tòa lâu đài sụp đổ trong lòng tôi! Vì như thế có nghĩa là cách dụng lò trấu của tôi không đúng rồi!

Làm sao để ngọn lửa cháy vòng quanh cái khuôn trấu ấy đổ rục trong thân lò, làm sao để một lò trấu mà nấu vừa chín được nồi cơm, nồi canh và ấm trà để đi ruộng thì đúng là một cô gái nhà quê thật sự! Chúng tôi chỉ có một cái lò trấu duy nhất để nấu nướng tất cả mọi thứ. Cái nghèo nó cũng được thể hiện trong bếp núc như thế đấy. Giá của một cái lò trấu mắc hơn là một ông Táo

bình thường của đất sét nung vì nó được đúc bằng xi măng và sườn được làm bằng những cọng sắt cho bền. Nó chỉ được sử dụng khi cần nấu một nồi com, canh, một ấm trà thật lớn để đi ra ruộng chứ không phải để nấu một nồi com và một món nước mắm kho quẹt!

Cuối cùng là ngọn lửa của *những miếng gáo dừa khô* cháy bùng lên giữa đêm khuya như lửa trại! Đây là nguồn nhiên liệu xa xỉ nhất của chúng tôi vào thời ấy. Lá dừa thì có thể đi xin trong những vườn dừa hàng xóm được, con củi bẹ dừa cũng đi lượm mót được trong những vườn dừa hoang hay vườn dừa có chủ, nhưng trấu và gáo dừa thì phải mua.

Tiền - Vạn bất đắc dĩ cần tiền để mua món gì đó, thì mẹ tôi lại ngồi đếm đi đếm lại xem còn bao nhiêu tiền trong túi. Đồng tiền nào xài được hôm nay và đồng tiền nào phải để dành cho ngày mai, dầu phải ăn ít hơn hay là không ngon cho ngày hôm nay để ngày mai còn có cái gì đó mà ăn! Ngày hôm qua đi chợ mua được miếng thịt mỡ nấu canh, thì ngày kế tiếp sẽ có món canh cải trời chay ở ngoài vườn (không còn thịt mỡ nữa). Thế cũng

qua bữa cơm canh mắm muối mà bọn trẻ chúng tôi vẫn húp xùm xụp ngon lành.

Những chiếc bánh đậu ngũ cốc đã phải đi qua hết ngàn ấy loại ông Táo để thử nghiệm xem loại củi nào có thể dùng để nướng bánh. Cuối cùng chỉ có ngọn lửa của củi gạo dừ mới làm nên chiếc bánh có cái tên ngộ nghĩnh ấy mà thôi vì củi gạo dừ cho ra lửa ấm giống như than sau khi đã cháy bùng lên.

Sau đó mẹ con chúng tôi lại loay hoay tưởng tượng về chiếc bánh sẽ thành hình như thế nào. Nói sao cho hết cạn cùng những đêm ngày của 9 mẹ con tôi (chỉ với một món bánh đậu ngũ cốc mà thôi, còn những món thức ăn khác nữa để đem đi thăm nuôi ba tôi thì chưa nói đến). Ép bột đậu rang đã trộn đường và mật ong vào khuôn bánh đậu xanh bằng nhôm sao cho vừa đủ chặt để chiếc bánh không bị bể ra sau khi nướng chín rồi là một nghệ thuật, vì sức ép của bọn con nít tụi tôi thì lại quá yếu, do đó chiếc bánh sẽ bị lỏng lẻo và dễ bị nứt làm đôi sau khi nướng. Do đó, chúng tôi ép khuôn đầu tiên và mẹ tôi kiểm tra lại từng chiếc bánh xem vừa đủ chặt hay chưa trước khi nướng. Bọn con nít chúng tôi thì lầy lăm

khoái chí vì việc làm bánh này giống như trò chơi trẻ con với cái nắp chai xá xí được nhào nặn với đất cát thuở còn bé!

Bây giờ nhắm mắt lại, tôi vẫn còn mường tượng được những đêm khuya thắp đèn dầu trong căn nhà lá, mẹ con chúng tôi xúm xít nhau với chiếc lò nướng và những chiếc bánh đậu. Mỗi đứa một công việc chỉ ngoài trừ những đứa nhỏ thì đã đi ngủ sớm. Đứa thì trộn bột đậu rang với đường, rồi nhào với mật ong đến mỗi nhừ cả tay. Đứa thì lo chùi khuôn bánh nướng sau mỗi vĩ bánh được ra lò! Tội nghiệp nhất là đứa đứng gần với đồng gáo dừa cháy hừng hực. Đứa thì lo gấp những miếng gáo dừa sau khi đã cháy rụi (chỉ còn lại những mảnh gáo mỏng đo đỏ như than hồng) trên và dưới lò nướng bánh cho thật đều lửa và liên tục...vừa làm vừa nghe tiếng lửa reo và tiếng ếch nhái ngoài rung kêu ồm ộp vang rân giữa đồng không mông quạnh trong đêm khuya.

Ngoài trời, những vương ruộng nằm ngoan ngoãn giữa những bờ đê ngoằn ngoèo và vườn tược thì tối om om. Vào những đêm trăng tròn thắp thoáng những mái

tranh, mái rạ của xóm giềng bên kia bờ chuổi, hàng dừa bỗng nhiên gần gũi nhau hơn. Lúc ấy trông những mái tranh hiền lành một cách lạ lùng. Chúng tôi ở trong nhà nghe gió thổi phàn phật qua phên lá. Nhìn những bụi tro lem luốc trên khuôn mặt buồn ngủ của các em tôi bên cạnh ngọn lửa nướng bánh, bất giác tôi thương chúng nó quá.

Họa hoằn lắm mới có một chiếc bánh bị vỡ làm đôi thì 8 đứa chúng tôi mới được chia nhau cái bánh bé tí xíu vuông vức chừng 2 cm thơm phức ấy. Cái tò mò của con nít sau những khổ cực đã làm cho chúng tôi cảm thấy chiếc bánh thật ngon lành dầu nó rất cứng!

Mẹ tôi bảo rằng ba tôi có thể ăn chiếc bánh ấy như là một loại lương khô hay có thể ngâm vào nước mà nấu cho đặc và quánh sền sệt lại như cháo hoặc chỉ cần ngâm vào miệng trong khi đi lao động là đủ no lòng! Chỉ có cách làm khô như thế thì mới có thể để dành lâu được và mới có thể ngâm nước làm thành cháo được! Thế là cái đầu óc non nớt của tôi chẳng biết gọi món ấy là món gì - bánh hay là cháo? Tại sao bánh lại được gọi là lương khô?

Những chiếc bánh đậu ngũ cốc đã được đóng gói lên đường ra Bắc theo mẹ tôi đi thăm nuôi ba tôi. Ngày xưa khi ba tôi bị đưa ra Bắc để ở tù, ba tôi không được chuẩn bị trước như những chiếc bánh đậu ngũ cốc này đâu. Những chiếc bánh đã được chắt chiu dành dụm từng đồng qua bao ngày tháng, rồi mẹ tôi tâng tiu từ khi hạt đậu còn chưa rang chín, cho đến khi chúng được hình thành là một chiếc bánh hình vuông nho nhỏ như chiếc bánh đậu xanh của Bảo Hiên Rồng Vàng.

Cuối tháng chạp, lúa ngoài đồng đã gặt xong hết cho mùa gặt cuối năm, mảnh ruộng còn trơ những gốc rạ vàng ngấn ngùn và đều đặn. Mặt ruộng lộ ra những đường nứt chạy vòng quanh gốc rạ, thế là tôi thoát nạn với những con đĩa lội phăng phăng dưới nước níu chân tôi mỗi khi ra ruộng. Đàn vịt chạy đồng mãi mê rúc mỏ vào những kẻ nứt ấy sục sạo tìm kiếm những hạt thóc vàng còn rơi rớt vương vãi khắp nơi. Có một vài thửa ruộng gặt mùa trễ, nên việc tháo nước ra khỏi ruộng chưa kịp trọn vẹn, do đó mặt ruộng vẫn còn xâm xấp nước. Thế là lũ vịt lao nhao, bì bõm, lặn hụp với những

hạt thóc còn sót lại trong nước bùn. Chúng đùa nghịch với nhau một cách thoải mái và thích thú.

Bây giờ cũng là cuối tháng chạp, nhưng thời gian đã là 20 năm sau. Nhắm mắt lại, tôi vẫn còn thấy hình ảnh của bếp lửa gạo dừ năm xưa cháy đỏ rực trong hồn tôi. Những ánh lửa yêu thương của một gia đình ấm cúng. Dầu nghèo cùng cực nhưng tình thương yêu và đùm bọc lẫn nhau thì tràn đầy. Dầu rất thiếu thốn nhưng đã chia xẻ nhau những khốn khổ để sống còn.

Có ai ngờ được rằng chúng tôi đã được học làm những người dân quê một cách thành thực mau chóng để dầm mưa dãi nắng với bụi lúa, bờ đê: đầu đi nón lá to, áo vá chằng vá đụp đủ màu, quần vo vo xắn xắn lên tận đầu gối, móng chân vàng khè vàng quánh vì ăn phèn chua của đất ruộng, hai bàn chân trần chai gót dày cui mà mới hôm trước vẫn còn lướt là áo trắng học trò với cặp sách trên tay và đôi guốc cao gót tung tăng sân trường! Bước chân ra bờ đê là chào hỏi chú Hai Ổ (vì chú ấy tên là Ổ), chú Ba Phú (người chồng là người con thứ ba trong gia đình và tên là Phú), thím Chín Bảnh (vì người chồng của thím tên là Bảnh) bên hàng xóm một

cách ròn rã như là người đã sinh trưởng và lớn lên ở chốn đồng ruộng ấy.

Và chính từ cái chòi tranh một chái lợp xụp dột trước dột sau ấy, 9 mẹ con chúng tôi đã vượt qua bao nỗi đoạn trường chỉ vì một người: Ba tôi ngược lại, ba tôi ở những nơi thâm sơn cùng cốc nào đó của những trại tù cũng đã âm thầm chịu đựng để sống chỉ vì 9 mẹ con tôi.

Đôi khi tôi nghĩ tình yêu của mẹ tôi đối với ba tôi thật lạ kỳ. Chăm chút từng chút một. Nâng niu từng ly từng tí trong mọi thứ, mọi món thức ăn mà mẹ tôi gói ghém, chuẩn bị gồng gánh đem đến cho ba tôi. Đường như mẹ tôi đã nghĩ rằng không ai biết đúng ý ba tôi bằng mẹ tôi hết cả và trên đời trời đất chỉ có một mình mẹ tôi là lo lắng được cho ba tôi mà thôi.

Sau 47 năm làm vợ, không biết mẹ tôi đã làm bao nhiêu món bánh cho ba tôi ăn, nhưng tôi biết chắc rằng món bánh đậu ngũ cốc ấy đã là món bánh tâm đắc nhất của mẹ tôi dành riêng cho ba tôi. Món bánh đã cru mang hết cả trái tim chung thủy của một người vợ, nó ẩn chứa hết mọi ý nghĩ rằng sẽ cứu sống được chồng mình trên

bước đường lưu đày từ Bắc chí Nam, nó bao hàm một chân lý của riêng mẹ tôi: yêu chồng là yêu như thế đó. Quả thật, mẹ tôi đã yêu ba tôi vô cùng bởi vì trên đường đi thăm nuôi ba tôi, dẫu rất đói vì đường xa vạn dặm, mẹ tôi không bao giờ lấy bất kỳ một món gì trong số thực phẩm đem theo cho ba tôi để ăn cho đỡ đói lòng.

Ca dao xưa viết rằng:

Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo

Thất bát sông cũng lội, cửu thập đèo cũng qua

Vâng, hình ảnh ấy rất đúng đối với mẹ chúng tôi và có lẽ đúng với tất cả những người vợ đã lặn lội đi thăm nuôi chồng. Đi qua biết bao nhiêu ngọn núi âm thầm đêm ngày, lội qua biết bao nhiêu con sông mà chính mình cũng không biết dòng sông ấy cạn sâu thế nào, trèo qua biết bao nhiêu đỉnh đèo mà mình chưa từng biết tên, dưới điều kiện khí hậu lạnh buốt của núi rừng miền Bắc, cái gió Lào khắc nghiệt của miền Trung hay mưa gió trái mùa của từng địa phương.

Không biết thời tắm nắng của ba mẹ tôi như thế nào, nhưng cái sâu thẳm trong tình nghĩa vợ chồng sau

47 năm chung sống cho đến ngày mẹ tôi mất quả thật là vô cùng. Mẹ tôi là một người thương con vô biên và yêu chồng vô hạn để hình như khi những chiếc bánh đậu ngũ cóc đã ở lại với ba tôi trong rừng sâu, thì hồn xác của mẹ tôi cũng đã ở lại nơi ấy. Mỗi lần mẹ tôi đi thăm nuôi ba tôi về thì gầy guộc, hốc hác, đen đúa hơn và lặng lẽ ít nói đi, dầu vẫn trở lại những ngày tháng buôn bán tần tảo nuôi con thay chồng vắng nhà. Và lúc trở về nhà, mẹ tôi hay khóc thảm sau những chuyến đi thăm nuôi chồng, chứ không bao giờ kể cho chúng tôi nghe đoạn đường mà chiếc bánh đậu đã đi đến ba tôi ra như thế nào. Dường như khi người phụ nữ đau khổ, họ sẽ biết cách che dấu hơn người đàn ông để họ có thể chịu đựng giỏi hơn người đàn ông.

Có lẽ có những người vợ cũng đã từng lê gót chân khắp nơi để tìm chồng trong vòng lao lý - một vòng lao lý nghịch với lẽ thường tình vì vòng lao lý ấy không phải để giam giữ những người phạm tội. Họ cũng đi thăm nuôi chồng như mẹ tôi và cũng đã có những *món bánh yêu chồng* như *món bánh đậu ngũ cóc* mà mẹ đã làm riêng cho ba tôi.

Hắn đã có những người chồng âm thầm tạ ơn *cái cò lặn lội bờ sông* (Ca Dao). Chỉ có con trăng khuyết, vầng trăng tròn soi dọc đường ngược xuôi Nam Bắc, những đêm trường ở bên kia song cửa sổ quạnh hiu của người vợ ngóng chồng, của người chồng nhớ vợ là chứng nhân cho những giọt nước mắt ly tan. Có biết bao tượng đá Nàng Tô Thị đã theo bóng gương đàn gậy gánh của chồng nhưng chưa được mọi người biết đến để ca tụng ngàn đời



SỢI LEN MÙA ĐÔNG

Mẹ tôi đã tập tôi biết đan từ thuở tôi lên 12 tuổi. Người bảo: Con là con gái, để mẹ dạy cho con biết những vụn vặt của con gái, nhớ mai này gia đình con sa cơ thất thế, con có cái gì đó để giúp đỡ chồng, nuôi con!

Thế là tôi đã biết đi chợ, biết cách nấu ăn, biết làm bánh, biết đan len, biết móc áo, biết may vá trong sự vụng về của cái tuổi còn mê nhảy lò cò ấy. Và tôi đã được mẹ tôi dẫn đi khắp các tiệm để chọn len mà mình

thích - một cách dễ ngọt một đứa con nít chịu khó ngồi yên một chỗ ... nhưng tôi quả thật đã mê màu sắc của những cuộn len trong tủ kính bán hàng và như lạc vào thế giới của những quả bóng trên nền trời tung tăng của tuổi thơ. Tôi thích cảm giác êm ái khi vuốt nhẹ lên những búp len mịn màng, độ xốp của nó lan dần trong bàn tay tôi, làm tôi cảm thấy rất thú vị. Lại còn thêm mùi len mới thơm lạ kỳ, như thể trang sách thơm mùi mực in.

Lúc ấy, tôi cũng không hiểu tại sao tôi lại đam mê màu sắc của những sợi len đến thế, vì tôi là người không biết vẽ - hay nói đúng hơn, môn vẽ trong lớp tôi chỉ vào hạng trung bình - họa may vẽ trắng đen thì còn được cao điểm hơn chút xíu vì còn có ánh sáng phụ vào nét vẽ của tôi để nộp bài cho thầy cô. Vẽ truyền chân cái hộp thì chỉ việc để cái hộp ấy ra giữa trời cho ánh nắng rọi vào rồi vẽ thôi!

Nhưng đến khi tôi nhìn những màu len, lòng tôi lại cảm thấy thích thú lạ và bỗng dung muốn phối hợp hết tất cả những màu sắc ấy thành một " tác phẩm " xem thử ra sao! Tuổi thơ vẫn tưởng như mình thật là vĩ đại trong muôn vàn mơ ước vẽ vời ... để rồi cuối cùng: Tôi học đàn!

Cái ngày trọng đại ấy đã bắt đầu bằng hai bàn tay toát mồ hôi ướt nhẹp, chỉ vì tôi đã cố gắng níu chặt sợi len, bằng cái mồm lung khùng khiếp, với cái cổ thẳng đơ. Trong lòng tôi đã nghĩ: Đan khó quá, con không muốn học nữa đâu, mẹ ơi.

Hai cây kim đan không như chiếc đũa thần hóa phép trong tay tôi. Tất cả là sự vụng về. Tội nghiệp những sợi len mềm mại làm sao! Chúng đã không còn là màu hồng ngọt lịm nữa mà chúng đã bị ngả sang màu hồng pha nâu nhạt. Tiếng rít của hai chiếc kim đan bằng kim loại, lời dặn của mẹ tôi hãy thả lỏng sợi len ra, đừng siết chặt quá như thế này, mỗi ngón tay cần ở một vị trí cố định, giữ sợi len cho đừng tuột ra khỏi tay nắm ... Một bài học tưởng chừng như đơn giản lắm, thế mà tôi đã vật lộn với nó đến đổ mồ hôi!

Bàn tay mẹ tôi gân guốc nổi lên từ những lao đao, truân chuyên của cuộc đời đã ôm gọn đôi bàn tay nhỏ bé của con trẻ, dạy cho nó từng mũi kim đan. Có lẽ mẹ đã một đời đi qua những nhọc nhằn của cuộc sống, nên không muốn cho con gái mình sẽ vất vả như mình ngày xưa.

Dần dần, bàn tay tôi đã không còn ướt khi nắm sợi len trong tay nữa, cũng không còn vượt mắt mũi đan rồi loay hoay níu nó lên! Vài tháng sau, tôi đã đan được một "tác phẩm diệu kỳ". Mảnh đan len hình chữ nhật, lớn cỡ bằng bàn tay của tôi với một mũi duy nhất: Mũi xuống!

Thành phẩm ấy đã khiến tôi hoàn toàn quay lưng lại với ý nghĩ trước đây - đan len khó lắm! Và tôi đã ngắm nghía nó như từng ngắm nghía 8 điểm son bên trái của một bài luận văn học trò kèm theo lời phê "Khá".

Bẵng đi mãi đến 11 năm sau tôi mới có dịp đan lại những mũi kim năm xưa - tôi đan khăn choàng và mũ len cho ba tôi, người đang ở trong tù của chế độ khắc nghiệt Cộng Sản, còn mẹ tôi đan áo. Có biết bao nhiêu người vợ đã từng âm thầm đan áo cho chồng như mẹ tôi. Cái tình yêu lặng lẽ ấy dường như nồng nàn hơn cái hôn đầu đời thuở, đắm thắm, ngọt ngào hơn ly rượu hồng ngày cưới, vì nó đã trải qua năm tháng chia sẻ ngọt bùi bên nhau.

Năm ấy, mẹ tôi và tôi đã ngồi dưới ánh đèn dầu leo lét, mù mờ hàng đêm để đan cho ba tôi những vật dụng đặc biệt ấy - đó là năm tháng mà chúng tôi không

có cái để ăn, không có một mái nhà lá lành lặn để chui ra chui vào, thì chuyện mua len đan áo thật là một chuyện nghịch lý. Mẹ con tôi đã bước chân đến cửa tiệm bán len như những bà nhà quê ra tỉnh lần đầu tiên. Những ngón tay cùn mần, trụi lủi, móng bám đầy đất, những ngón chân vàng phèn chua của ruộng, những gót chân nứt nẻ chẳng biết dẫu đi đâu được! Người bán hàng ngỡ chúng tôi vào xem cửa tiệm cho biết, chứ không tin rằng chúng tôi sẽ mua len và kim đan áo!

Hai mái đầu bạc và xanh ngời kề bên nhau miệt mài, tỉ mỉ đan từng mũi kim. Những mảng ruộng ngoài sân đang sắp đến mùa gặt cuối tháng Chạp nên xào xạc giữa khuya. Tiếng ếch nhái kêu òm ộp thâu đêm. Tiếng kim đan chạm nhau kêu lách cách. Tất cả đều nghe rõ mồn một trong cái không gian yên lặng của mẹ con tôi.

Tình yêu của một người vợ thật sâu sắc, tiềm ẩn trong tim. Nó chỉ được thể hiện ra trong những sản sóc mà chỉ có hai người mới hiểu nhau. Từ đó, mẹ tôi nghĩ rằng chiếc nón len phải được đan phủ hai bên tai, phủ trước trán, rồi làm sao phủ cả vòng cổ cho ấm! Tôi đã loay hoay với một chiếc nón len như thế - giá như tôi vẽ được, có lẽ sẽ vẽ được dễ dàng hơn cho kiểu nón ấy.

Thế là những sợi len được tôi cắt nối một cách bất thường. Chiếc nón mà tôi đan cho ba tôi màu xám tro nhạt đã là từng mảnh riêng rẽ được nối lại không bài bản, miễn sao nó "phủ" hết những nơi mà mẹ tôi muốn! Dường như nó sẽ làm ấm lòng mẹ tôi trước khi ba tôi được ấm, để buộc hai trái tim vợ chồng lại với nhau một cách vô hình nhưng thật sâu đậm. Nhìn những mũi đan quện vào nhau xếp hàng thứ tự, tôi đã bắt chọt tự hỏi không biết mẹ tôi có đếm thầm những năm tháng ba mẹ tôi bên nhau như đếm từng hàng đan, từng khoảng centimet cho đúng kích thước một thân áo không ... Những quãng đời thăng trầm, gian truân đã lắng đọng lại trong lòng mẹ tôi điều gì và mẹ tôi đã nghĩ gì khi ngồi đan áo cho chồng. Hình như đó cũng là một hạnh phúc, nhưng pha lẫn với niềm hạnh phúc ấy là nước mắt

Có những đêm trời mưa gió bên ngoài song cửa, ngọn đèn dầu leo lét chao đi và tắt phụp, chỉ còn lại ánh sáng của sấm sét ngoài trời soi mờ mờ khuôn mặt và dáng ngồi của mẹ. Bàn tay lạnh vì mùa đông đã đến, lại thêm đầu ngón tay trở bị móp đi vì mũi kim đan làm tôi xuyt xoa, mẹ tôi bảo tôi đi ngủ đi, mai con đan tiếp cũng được; nhưng mãi đến khi tôi đã ngủ được một giấc dài,

chợt giật mình giữa khuya, tôi vẫn thấy mẹ tôi còn cặm cùi đan!

Dường như mẹ tôi không an tâm từng giây, từng phút một khi biết ba tôi đang bị lạnh ở đâu đó giữa nơi núi thẳm rừng sâu, nên đã cố gắng đan thật nhanh chiếc áo cho chồng. Riêng tôi thì vẫn còn con nít lắm, luôn hỏi mẹ tôi rằng có lẽ chiếc khăn quàng đã dài đủ chưa. Những ngón tay bé xíu của tôi đã bắt đầu biết mỗi khi đan được đến ngày thứ hai, rồi lại mỗi lưng nữa. Tuy trong lòng tôi cũng thương ba tôi như mẹ tôi thương ba tôi vậy, nhưng tôi mong chiếc khăn chỉ ngắn ngắn như thế là được rồi!

Những sợi len màu xám tro nhạt ấy đã thức thâu đêm với mẹ con tôi trong những đêm tối tăm của cuộc đời sau năm 75, nhưng nó sáng rực tình yêu trong lòng mẹ tôi ... Có lẽ mẹ tôi đã chợt nghĩ thẳm đến cái nhìn triu mến của ba tôi - chứ không phải là một lời cảm ơn - khi khoác lên người chiếc áo len. Trong ngần ấy yêu thương, hai người đã hiểu thấu được lòng nhau ...

Sương khuya xuống vội, tiếngphên cửa đập phành phạch nhịp theo tiếng gió lùa ngoài sân, bàn tay mẹ đã từng ngang dọc vết cắt của rom rạ ngoài đồng,

nay thêm vết hằn của kim đan - vẫn lặng lẽ với gió lạnh bên manh áo tình. Đôi vai gầy của mẹ dường như không biết mỏi, vẫn nghiêng bóng bên mũi kim đan thoăn thoắt. Thỉnh thoảng mẹ tôi lại trải màng len đã đan được xuống mép giường để ngắm hay dùng gang tay để đo chiều dài. Thăm sâu trong đôi mắt yêu chồng, chắc hẳn mẹ tôi đã mừng tượng ra ba tôi. Bàn tay xấu xí và gân guốc ấy đã chăm chú từng chén cơm, bát canh nóng, ly nước, viên thuốc bệnh cho chồng, nay cũng bàn tay ấy vuốt ve tấm áo rồi ướm thử lên thân người mình, có lẽ vòng eo thôi đã héo hon trong ngày vợ chồng đoàn tụ.

Có khi tôi thấy mẹ tôi ngồi ngắm mảnh áo rồi thần thờ một lúc lâu ... Chắc là khi đan áo, mẹ tôi đã nhớ lại hết những thói quen, ý thích của ba tôi trong chuyện quần áo, để lâu lâu bắt chợt mẹ tôi lại tháo đi những hàng len phạm lỗi - vì chỗ này phải rộng ra thêm chút nữa hay chỗ kia sẽ vừa vặn như thế này mới được!

Tôi cảm thấy hình như tôi còn bé quá để hiểu được những từ ngữ tấm mẫn thương yêu, những ấm lạnh mặn nồng trong tình nghĩa vợ chồng, nhưng tôi cảm nhận được mẹ tôi yêu ba tôi nhiều lắm - yêu đến nỗi quên mình là ai, chỉ thấy người mình yêu là tất cả.

Sợi len cuối cùng đã dứt. Rút hết ruột những búp len tựa như rút hết cội lòng của mẹ tôi. Có lẽ chúng đã gói trọn hết ân tình và những nỗi lo toan của mẹ tôi chẳng? Không, vẫn chưa đủ! Lại khoác lên người xem như thế nào ... Trên khuôn mặt hốc hác của mẹ tôi được trùm kín mít bởi chiếc nón len, khăn quàng và chiếc áo nữa hãy còn những nét lo lắng: Không biết ba tôi còn cần gì nữa đối với những Sợi Len Mùa Đông này không? Có đủ ấm không? Chỉ có duy nhất một chiếc áo, thế thì nhỡ ướt thì làm sao có nắng ấm phơi cho kịp khô ... Nghe người ta nói ngoài Bắc rét lắm. Mẹ tôi chả hình dung được cái rét cóng người ở chốn xa xăm ấy, nhưng như những sợi len quện chặt nhau, mẹ tôi đã đem gửi hết cả hồn lẫn xác của thương nhớ vào từng mũi kim đan.

Bao nhiêu gói ghém đã âm thầm vượt ngàn dặm trong gói quà thăm nuôi ba tôi. Tôi nghe mẹ tôi kể lại ngày mẹ tôi đưa ba tôi chiếc áo len ấy, ba tôi đã ôm lấy đôi vai của mẹ tôi một thoáng ... Chỉ ngần ấy thôi, đôi vai trĩu nặng gồng gánh của mẹ tôi đã dường như mềm lại, rồi mẹ tôi rơm rớm nước mắt. Tất cả những chịu đựng đã vỡ òa .Tất cả thương nhớ trong lòng đè nén bấy

lâu nay bỗng theo dòng nước mắt tràn ra ... Không có một lời nói nào. Không một cái hôn ngọt ngào của chồng vợ. Không một câu dặn dò trao nhau, nhưng nghìn trùng đường xa đã đem mẹ tôi đến với ba tôi trong lao lý nghiệt ngã một câu ân tình thủy chung trọn vẹn.

Chiều dài của những sợi len đan trong chiếc áo, cái nón, chiếc khăn quàng sẽ không đủ dài như đoạn đường thăm thẳm mà mẹ tôi đi đến ba tôi, nhưng ngàn ấy dặm dài đã cuu mang ân tình của người và tất cả những mối chỉ đã buộc chặt lại tấm lòng sắt son của một người vợ.

Mãi đến khi ba tôi về sum họp với gia đình, ba tôi vẫn còn giữ lại mảnh áo kỷ niệm ấy. Riêng tôi, mỗi khi nhìn lại chiếc áo, tôi lại chạnh lòng nhớ đến mẹ tôi trong những đêm khuya năm xưa. Màu len rồi sẽ phai, những món đan len ấy có thể sẽ mục theo năm tháng, nhưng trong lòng tôi, những sợi len ấm lạnh ấy sẽ còn mãi mãi yêu thươngmặn nồng.

Những năm sau đó, mẹ tôi đã không còn đan áo cho ai như ngày xưa đan áo cho chồng, cho con, nhưng thỉnh thoảng đem ra giặt lại những tấm áo, chiếc nón cũ ấy như hồi tưởng lại quá khứ - một đoạn đời cam go, khổ

ải thăng trầm của một gia đình và của những kiếp người. Chúng tôi đã sống hạnh phúc với nhau trong những điều kiện khắt khe của dòng đời như mọi người, nhưng tâm hồn chúng tôi dịu dàng như những sợi len mềm mại và đầy hy vọng như những màu len tươi thắm.

Và quả thật như lời mẹ tôi đã nói từ lúc dạy tôi đan, công việc đan len đã trở thành một cái nghề sinh nhai cho tôi sau này. Tôi đã đan len kiếm tiền để sống. Khách hàng của tôi là những người được đi ngoại quốc theo diện HO hay ODP. Ngoại quốc - danh từ này lúc ấy là một thiên đàng - dẫu họ được đi đến một xứ nào ngoài Việt Nam đi chăng nữa, đối với tôi và có lẽ đối với tất cả mọi người trong ý nghĩ, những nơi ấy đều là thiên đàng hết cả, vì nơi chúng tôi đang sống là địa ngục. Họ đã bước chân lên cầu thang của một chuyến bay vĩnh viễn xa xứ và đem cả những chiếc áo len, khăn quàng do tôi đan. Ước mơ của tôi cũng chấp cánh bay cao lên tầng mây theo họ trong nỗi niềm chờ đợi và hy vọng.

Đôi mắt mẹ tôi không còn tinh tường nữa để đan áo, nhưng đã phụ tôi tháo len ra khi tôi cần pha màu cho chiếc áo hay kết lại những mảnh thân áo. Có lúc tôi nhận được lời đặt hàng muồn màng và chuyến bay thì lại có

định, tôi lại phải thức suốt đêm để đan xong chiếc áo cho khách, rồi vội vàng ra phi trường để giao hàng. Đứa con gái của mẹ đã thầm cảm ơn mẹ đã dạy cho con một nghề lương thiện để mưu sinh.

Cứ đến khoảng tháng chạp, đầu Đông - là những sợi len, màu sắc của nó lại quay về dịu dàng trong hồn tôi. Hay mỗi lần nhìn thấy phố xá khoác áo tình nhân bằng những chiếc áo len đủ màu, đủ kiểu trong đêm Giáng Sinh, tôi lại nhớ đến đêm Giáng Sinh năm nào của ba tôi với bộ đồ len mà mẹ con tôi đã đan trong cái chòi tranh rách bươm của một gia đình. Những ấm lạnh tình người năm xưa đã vĩnh viễn ngự trị trong lòng chúng tôi - những người sống vì yêu thương nhauthật trọn vẹn đều phải lặn hụp trong nghèo nàn, đói khổ, mưa gió bên đời.

Những Sợi Len Mùa Đông của mẹ con chúng tôi đã trở thành những mũi đan mắc xích nhau thật chặt, chúng quyện lẫn nhau một cách đầm ấm, hài hòa. Bàn tay của mẹ tôi đã buông thõng ở một nơi nào đó bên kia thế giới, nhưng trong tôi, muôn đời vẫn giữ mãi hình ảnh đôi bàn tay xương xẩu nhưng tràn đầy tình yêu đối với ba tôi của người.

Trong cái lạnh của những ngày tháng cuối năm như thế này, không biết chôn ấy mẹ có lạnh không? Có ai đan cho mẹ một chiếc áo ân tình như năm xưa mẹ đã đan cho ba không mẹ ?

Con nghĩ rằng, ba sẽ đến ngồi bên mộ mẹ và nói với mẹ rằng: *Anh nhớ chiếc áo màu xám tro của em đan cho anh trong những năm anh ở tù ...* Trên di ảnh của ngôi mộ vẫn là nụ cười lúm đồng tiền của mẹ mà ba yêu mấy chục năm về trước.

Mùa Đông chỉ là cái lạnh của buốt giá bên ngoài nơi đây■



LỰA ĐÀO SẮT SON
(Trường Thi & Tùy Bút)

Ấn Bản Điện Tử
do
Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu
Thực hiện 2017

© **Như Thương 2017**

Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu

